

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số /QĐ-CDLC ngày tháng năm 2026 của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/ tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
	Lớp Cao đẳng Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25: 1 Sinh viên													
1	1	2562102160003	CD.BNT.K25	Sân Giờ Lúy	Nam	10/7/2006	Hà Nhì	Choản Thèn	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206001239	
	Lớp Cao đẳng Hội họa K23: 1 Sinh viên													
2	1	2362101030003	CD.HHO.K23	Giàng Thị Bích Ngọc	Nữ	12/4/2004	Mông	Lao Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010304001692	
	Lớp Cao đẳng Hội họa K25: 3 Sinh viên													
3	1	2562101030003	CD.HHO.K25	Giàng Seo Chung	Nam	12/6/2007	HMông	Nàng Càng	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002343	
4	2	2562101030005	CD.HHO.K25	Lù Văn Thiên	Nam	23/4/2007	Mông	Sín Chải A	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003575	
5	3	2562101030007	CD.HHO.K25	Giàng Seo Văng	Nam	18/6/2007	Mông	Lao Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207009640	
	Lớp Cao đẳng Piano K23: 2 Sinh viên													
6	1	2362102210001	CD.PAN.K23	Giàng A Mạnh	Nam	15/02/2005	Mông	Hô Nậm Cản	Mường Lay	Điện Biên	Thôn ĐBKK	140.000	011205006542	
7	2	2362102210003	CD.PAN.K23	Tần Chính Quân	Nam	07/4/2005	Dao	Ná Lùng	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205005586	
	Lớp Cao đẳng Piano K24: 2 Sinh viên													
8	1	2462102210001	CD.PAN.K24	Cư Seo Dương	Nam	25/8/2006	Hmông	Sín Chải 2	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206002828	
9	2	2462102210004	CD.PAN.K24	Chảo A Náy	Nam	01/02/1993	Dao	Nậm Cung	Mường Khoa	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012093005928	
	Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K23: 2 Sinh viên													
10	1	2362102250001	CD.TNH.K23	Hoàng Văn Chính	Nam	24/01/2005	Dao	Bản Lọt	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205008001	
11	2	2362102250005	CD.TNH.K23	Vũ Thị Nguyệt	Nữ	13/12/2005	Giáy	Tả Van Dáy 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010305000457	
	Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K24: 1 Sinh viên													
12	1	2462102250005	CD.TNH.K24	Hoàng Thị Thanh Ngọc	Nữ	15/3/2005	Tày	Khuổi Phường	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010305007463	
	Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K25: 2 Sinh viên													
13	1	2562102250001	CD.TNH.K25	Tráng Thị Bình	Nữ	24/10/2006	Mông	Pha Long 1	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010306007308	
14	2	2562102250009	CD.TNH.K25	Lò Văn Ngọc	Nam	11/11/2006	Thái	Bản Lè	Chiềng La	Sơn La	Xã khu vực III	140.000	014206007453	
	Lớp Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25.5: 1 Học sinh													
15	1	2552102160001	TC.BNT.K25.5	Ma Văn Đông	Nam	09/10/2010	Mông	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210002660	
	Lớp Trung cấp Hội họa K23.5: 2 Học sinh													
16	1	2352101030003	TC.HHO.K23.5	Giàng A Mừng	Nam	05/5/2008	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208007940	
17	2	2352101030004	TC.HHO.K23.5	Sùng Đức Quan	Nam	02/9/2008	Mông	Ái Nam	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000		
	Lớp Trung cấp Hội họa K24.5: 1 Học sinh													
18	1	2452101030003	TC.HHO.K24.5	Sùng Seo Châu	Nam	11/01/2009	H'Mông	Lùng Xa 2	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209004101	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/ tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
	Lớp Trung cấp Hội họa K25.5: 1 Học sinh													
19	1	2552101030001	TC.HHO.K25.5	Lã Hoàng Đạt	Nam	10/9/2009	Tày	Nậm Chỏn	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209006519	
	Lớp Trung cấp Biểu diễn Múa dân gian dân tộc K23.5: 2 Học sinh													
20	1	2352102070014	TC.NBM.K23.5	Lường Mạnh Toàn	Nam	12/01/2008	Thái	Tân Bắc	Pắc Ta	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012208001701	
21	2	2352102070007	TC.NBM.K23.5	Lường Gia Hưng	Nam	16/01/2008	Thái	Bản Lướt	Mường Kim	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012208006192	
	Lớp Trung cấp Biểu diễn Múa dân gian dân tộc K24.5: 2 Học sinh													
22	1	2452102070003	TC.NBM.K24.5	Lò Nguyệt Ánh	Nữ	03/7/2009	Thái	Pắc Ta	Pắc Ta	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012309006368	
23	2	2452102070004	TC.NBM.K24.5	Lò Thị Hồng Diệp	Nữ	12/11/2009	Thái	Là 2	Mường Kim	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012309004765	
	Lớp Trung cấp Biểu diễn Múa dân gian dân tộc K25.5: 3 Học sinh													
24	1	2552102070001	TC.NBM.K25.5	Lường Tuấn Anh	Nam	03/02/2010	Thái	Bản Bó	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012210008550	
25	2	2552102070002	TC.NBM.K25.5	Tòng Thị Ngọc Hân	Nữ	22/3/2010	Thái	Pắc Ta	Pắc Ta	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012310006521	
26	3	2552102070012	TC.NBM.K25.5	Thào Thị Sa	Nữ	29/4/2010	Hmông	Ý Linh Hồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310004527	
	Lớp Trung cấp Organ K23.5: 2 Học sinh													
27	1	2352102240002	TC.ORG.K23.5	Giàng Thị Bàu	Nữ	27/6/2008	HMông	Phìn Giàng	Xuân Quang	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010308000178	
28	2	2352102240006	TC.ORG.K23.5	Hoàng Minh Sơn	Nam	26/01/2008	Tày	Giàng Thàng	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	015208003779	
	Lớp Trung cấp Organ K24.5: 3 Học sinh													
29	1	2452102240003	TC.ORG.K24.5	Tráng Thị Dờ	Nữ	13/02/2009	Hmông	Lùng Xa 2	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309007955	
30	2	2452102240004	TC.ORG.K24.5	Lù A Dững	Nam	10/6/2009	H'Mông	Khe Păn	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209006120	
31	3	2452102240007	TC.ORG.K24.5	Ma Hòa Vàng	Nam	24/5/2008	H'Mông	Thôn 5	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	067208005873	
	Lớp Trung cấp Organ K25.5: 6 Học sinh													
32	1	2552102240006	TC.ORG.K25.5	Giàng Công Minh	Nam	06/8/2010	HMông	Bản Khao	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210006941	
33	2	2552102240007	TC.ORG.K25.5	Giàng A Phính	Nam	24/02/2010	HMông	Phìn Hồ	Hợp Thành	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010210009963	
34	3	2552102240010	TC.ORG.K25.5	Thào Thị Rùa	Nữ	05/02/2008	HMông	Phìn Páo	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010308002141	
35	4	2552102240011	TC.ORG.K25.5	Ngải Seo Sênh	Nam	13/6/2010	HMông	Phìn chư 3	Sín chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210010190	
36	5	2552102240012	TC.ORG.K25.5	Giàng Seo Thắng	Nam	12/9/2010	HMông	Làng Păm	Bảo Nhai	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010210004713	
37	6	2552102240014	TC.ORG.K25.5	Thào Seo Thành	Nam	24/8/2010	HMông	Vì Mã	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009229	
	Lớp Trung cấp Thanh nhạc K24.5: 3 Học sinh													
38	1	2452102250005	TC.TNH.K24.5	Vàng Thị Hoa	Nữ	06/8/2009	Mông	Mai Thượng	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309004213	
39	2	2452102250006	TC.TNH.K24.5	Sùng Thị Thu Hương	Nữ	02/7/2009	H'Mông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010309002376	
40	3	2452102250008	TC.TNH.K24.5	Lục Thị Yến Nhi	Nữ	19/11/2009	Giáy	Tả Chải Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309009748	
	Lớp Trung cấp Thanh nhạc K25.5: 1 Học sinh													
41	1	2552102250004	TC.TNH.K25.5	Tần Phương Phương	Nữ	20/11/2010	Dao	Chu Cang Hồ	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	012310006931	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/ tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K23.CLC: 4 Sinh viên													
42	1	2365102160001	CD.COT.K23.CLC	Lù A An	Nam	19/8/2005	Dao	Huổi Luông	Khổng Lào	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012205007491	
43	2	2365102160009	CD.COT.K23.CLC	Phạm Anh Đoan	Nam	25/5/2005	Tày	Bắt 2	Vồ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205008475	
44	3	2365102160028	CD.COT.K23.CLC	Hoàng Quốc Tuấn	Nam	13/9/2005	Tày	Noong Khuẩn	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010205005163	
45	4	2365102160029	CD.COT.K23.CLC	Lương Đình Văn	Nam	02/8/2005	Tày	Chiềng 4	Vồ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205008117	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24.CLC: 9 Sinh viên													
46	1	2465102160002	CD.COT.K24.CLC	Giàng Thành Công	Nam	19/9/2006	Mông	Mào Sao Phìn	Sín chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206009976	
47	2	2465102160004	CD.COT.K24.CLC	Hoàng Đức Duy	Nam	03/3/2006	Tày	Nhơn 1	Cam Đường	Lào Cai	Mồ côi	100.000	010206006747	
48	3	2465102160005	CD.COT.K24.CLC	Đặng Văn Đại	Nam	11/12/2006	Dao	Kho Vàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206005563	
49	4	2465102160008	CD.COT.K24.CLC	Sùng A Giáo	Nam	08/12/2005	HMông	Tân Giang	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205004945	
50	5	2465102160011	CD.COT.K24.CLC	Lò Văn Khoa	Nam	21/7/2004	Thái	Pa Tần 1	Pa Tần	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012204004714	
51	6	2465102160016	CD.COT.K24.CLC	Giàng Văn Phòng	Nam	05/02/2003	Mông	Sảng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010203000370	
52	7	2465102160018	CD.COT.K24.CLC	Sùng A Sinh	Nam	09/4/2006	HMông	Ma Sao Phìn Cao	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206007772	
53	8	2465102160021	CD.COT.K24.CLC	Lù Tiến Thanh	Nam	23/4/2006	Nùng	Ngải Phổng Trỏ	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206003867	
54	9	2465102160023	CD.COT.K24.CLC	Đặng Quyết Tiến	Nam	21/01/2006	Dao	Bản Lự	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206008095	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K23C: 6 Sinh viên													
55	1	2365102160107	CD.COT.K23C	Nông Xuân Bách	Nam	05/10/2005	Tày	Pác Bó	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205008599	
56	2	2365102160108	CD.COT.K23C	Phan Ngọc Châm	Nam	19/3/2005	Tày	Nà Trang	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010205006143	
57	3	2365102160118	CD.COT.K23C	Ma A Ký	Nam	08/7/2005	Hmông	Ma Sao Phìn Thấp	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012205001397	
58	4	2365102160121	CD.COT.K23C	Hà Hải Quân	Nam	12/01/2004	Tày	Nà Trang	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010204000885	
59	5	2365102160128	CD.COT.K23C	Lý Ngọc Thiện	Nam	08/10/2005	Dao tuyển	Đầm Rụng	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205005454	
60	6	2365102160129	CD.COT.K23C	Má A Tổ	Nam	15/9/2003	Hmông	Hàm rông 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010203002172	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24A: 5 Sinh viên													
61	1	2465102160034	CD.COT.K24A	Lương Ngọc Bân	Nam	05/10/2006	Tày	Chiềng 2	Vồ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206009331	
62	2	2465102160036	CD.COT.K24A	Lý Công Cao	Nam	20/6/2006	Dao	Thôn 1 Nhai tên	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010206004035	
63	3	2465102160049	CD.COT.K24A	Phan Trường Giang	Nam	08/8/2006	Tày	Văn Tiến	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010206003206	
64	4	2465102160051	CD.COT.K24A	Nông Văn Hòa	Nam	18/6/2006	Tày	Pác Bó	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206004630	
65	5	2465102160056	CD.COT.K24A	Ma Đức Huân	Nam	19/8/2006	Tày	Nà Hạch	Dương Quý	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206006773	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24B: 9 Sinh viên													
66	1	2465102160071	CD.COT.K24B	La Thế Huy	Nam	08/7/2006	Tày	Bê 4	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206002849	
67	2	2465102160072	CD.COT.K24B	Đặng Tuấn Huy	Nam	09/5/2006	Dao	Khe Cóc	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206005163	
68	3	2465102160079	CD.COT.K24B	Lù Văn Kiên	Nam	08/7/2006	Thái	Bản Mới	Tân Phong	Lai Châu	Mồ côi	100.000	012206004419	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
69	4	2465102160088	CD.COT.K24B	Lục Hoài Nam	Nam	29/3/2006	Tày	Văn Tiến	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010206006325	
70	5	2465102160091	CD.COT.K24B	Bàn Tồn Nhất	Nam	01/7/2006	Dao	Phiêng Đổng	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206006279	
71	6	2465102160092	CD.COT.K24B	Lầu Li Páo	Nam	08/3/2005	Hmông	Bản Mới	Tân Phong	Lai Châu	Mô côi	100.000	012205003013	
72	7	2465102160098	CD.COT.K24B	Chu Văn Thắng	Nam	06/3/2005	Tày	Thôn 2 Minh Chiềng	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010705006484	
73	8	2465102160099	CD.COT.K24B	Cư Hoàn Thành	Nam	20/11/2006	Mông	Hoàng Trù Văn	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206001296	
74	9	2465102160102	CD.COT.K24B	Tần Văn Tuấn	Nam	25/6/2006	Dao	Tả Suối Cầu	Y Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206005872	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24C: 8 Sinh viên													
75	1	2465102160107	CD.COT.K24C	Lại Đình Bảo	Nam	02/7/2006	Giáy	Nậm Choòng	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206008872	
76	2	2465102160116	CD.COT.K24C	Sùng Tam Phong	Nam	11/02/2005	Hmông	Thôn 1 Vải Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205007752	
77	3	2465102160117	CD.COT.K24C	Tản Thanh Phong	Nam	29/10/2006	Dao	Tùng Chín 3	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206008816	
78	4	2465102160122	CD.COT.K24C	Hoàng Ngọc Sây	Nam	20/4/2006	Tày	Ngầu 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007363	
79	5	2465102160125	CD.COT.K24C	Vàng Seo Thắng	Nam	15/3/2006	HMông	Sản Chư Văn	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010206003302	
80	6	2465102160128	CD.COT.K24C	Chu Hải Thiện	Nam	27/11/2006	Tày	Bản Coóc	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010206003803	
81	7	2465102160130	CD.COT.K24C	Hoàng Văn Thuần	Nam	06/3/2006	Tày	Nậm Kỳ	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007484	
82	8	2465102160137	CD.COT.K24C	Lý Đức Tuyên	Nam	03/7/2006	Giáy	Nậm Chủ	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206009764	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25.CLC: 2 Sinh viên													
83	1	2565102160021	CD.COT.K25.CLC	La Mạnh Tuấn	Nam	15/4/2007	Tày	Bản Mạ	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010207009521	
84	2	2565102160025	CD.COT.K25.CLC	Lương Ngọc Vinh	Nam	12/01/2007	Tày	Bản Mạ	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010207008218	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25A: 17 Sinh viên													
85	1	2565102160028	CD.COT.K25A	La Đức Chí	Nam	23/4/2007	Tày	Là 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207005581	
86	2	2565102160035	CD.COT.K25A	Lý A Hạng	Nam	22/02/2007	Mông	Bản Pờ Ngải	Phong Thổ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	010207002947	
87	3	2565102160036	CD.COT.K25A	Đồng Đức Hào	Nam	08/3/2007	Thái	Phiêng Đanh	Phong Thổ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012207004823	
88	4	2565102160039	CD.COT.K25A	Hoàng Quốc Hội	Nam	12/11/2006	Tày	Nà Pồng	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206009399	
89	5	2565102160041	CD.COT.K25A	Lù Văn Huynh	Nam	26/11/2006	Giáy	Bản Lớ Thàng 1	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206001748	
90	6	2565102160044	CD.COT.K25A	Hoàng Anh Khoa	Nam	26/3/2007	Tày	Nà Pồng	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003036	
91	7	2565102160046	CD.COT.K25A	Lý Láo Lở	Nam	09/7/2008	Dao	Sản Lùng	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208008208	
92	8	2565102160048	CD.COT.K25A	Hoàng Văn Luận	Nam	05/4/2006	Tày	Chiềng 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206009543	
93	9	2565102160049	CD.COT.K25A	Hoàng Gia Lượng	Nam	07/4/2007	Tày	Lằng Đáp	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002027	
94	10	2565102160050	CD.COT.K25A	Hoàng Công Minh	Nam	02/3/2007	Tày	Khôi Ai	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010207004943	
95	11	2565102160057	CD.COT.K25A	Hoàng Trọng Phú	Nam	04/10/2007	Tày	Bắt 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003829	
96	12	2565102160058	CD.COT.K25A	Bản Văn Phương	Nam	28/8/2008	Dao	Hạ	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208004854	
97	13	2565102160059	CD.COT.K25A	Vương Quốc Quân	Nam	11/02/2007	Dáy	Ún Tà	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008376	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
98	14	2565102160063	CD.COT.K25A	Giàng Tiến Thành	Nam	14/12/2007	Hmông	Giàng Tra	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207004049	
99	15	2565102160065	CD.COT.K25A	Đặng Văn Thuận	Nam	06/12/2007	Dao	Thôn 1 Vải Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207000586	
100	16	2565102160068	CD.COT.K25A	Dương Quốc Việt	Nam	19/6/2007	Giáy	Bầu Bàng	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207007423	
101	17	2565202460070	CD.COT.K25A	Thần Trung Nghĩa	Nam	16/9/2007	Thu Lao	Đội 1	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003219	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25B: 8 Sinh viên													
102	1	2565102160150	CD.COT.K25B	Hoàng Anh Tuấn	Nam	25/3/2007	Tày	Bè 3	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207000366	
103	2	2565102160073	CD.COT.K25B	La Minh Chiến	Nam	28/3/2006	Tày	Lủ 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206002636	
104	3	2565102160080	CD.COT.K25B	Sầm Đức Duy	Nam	15/02/2007	Dao	Làng Quỳ	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207000250	
105	4	2565102160087	CD.COT.K25B	Hoàng Nguyễn Hải Linh	Nam	23/6/2007	Tày	Khuân Đo	Dương Quỳ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003749	
106	5	2565102160093	CD.COT.K25B	Lương Hữu Phước	Nam	22/9/2006	Tày	Chiềng 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206002629	
107	6	2565102160101	CD.COT.K25B	Lò Văn Toán	Nam	16/10/2007	Thái	Bản Ít Chom Trên	Nậm Sỏ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	010207002085	
108	7	2565102160106	CD.COT.K25B	Hoàng Quốc Việt	Nam	14/9/2006	Tày	Chiềng 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206005851	
109	8	2565102160107	CD.COT.K25B	Lự Xuân Việt	Nam	22/10/2007	Tày	Lủ 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008421	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25C: 10 Sinh viên													
110	1	2565102160114	CD.COT.K25C	Lâm Thành Đạt	Nam	23/9/2007	Tày	Na Lo	Bắc Hà	Lào Cai	Hộ cận nghèo	100.000	010207009626	
111	2	2565102160115	CD.COT.K25C	Châu A Dính	Nam	18/3/2007	Hmông	Hòa Sứ Pán 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207000147	
112	3	2565102160124	CD.COT.K25C	Hoàng Bảo Khanh	Nam	13/5/2007	Tày	Lảng Đáp	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207009337	
113	4	2565102160129	CD.COT.K25C	Nông Thế Lương	Nam	30/9/2007	Tày	Vinh 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008999	
114	5	2565102160133	CD.COT.K25C	Ma Seo Phú	Nam	27/02/2007	H'mông	Nậm Cài	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008248	
115	6	2565102160134	CD.COT.K25C	Phạm Thế Quân	Nam	29/4/2007	Dao	Cốc Chứ	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010207000844	
116	7	2565102160137	CD.COT.K25C	Triệu Trung Thành	Nam	10/9/2007	Dao	Làng Quỳ	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207004700	
117	8	2565102160138	CD.COT.K25C	Hoàng Tiến Trung	Nam	15/10/2007	Tày	Xóm Hạ	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207006040	
118	9	2565102160139	CD.COT.K25C	Phản Văn Trường	Nam	10/11/2007	Dao	Nậm Chôn	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002857	
119	10	2565102160142	CD.COT.K25C	Bản Anh Tuấn	Nam	24/6/2007	Dao	Thôn 3 Vải Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207001678	
	Lớp Cao đẳng Hàn K24: 5 Sinh viên													
120	1	2465201230004	CD.HAN.K24	Hoàng Đức Mạnh	Nam	20/4/2006	Tày	Ngầu 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206006998	
121	2	2465201230006	CD.HAN.K24	Tráng Seo Phừ	Nam	10/8/2006	HMông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206005933	
122	3	2465201230007	CD.HAN.K24	Hoàng Tiến Tân	Nam	18/3/2006	Dáy	Cùm Hạ 2	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206004383	
123	4	2465201230009	CD.HAN.K24	Nguyễn Văn Vũ	Nam	28/6/1999	Tày	Chiềng 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010099007883	
124	5	2465201230010	CD.HAN.K24	La Long Vỹ	Nam	09/3/2006	Tày	Tông Pháy	Dương Quỳ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206006051	
	Lớp Cao đẳng Hàn K25: 11 Sinh viên													
125	1	2565201230010	CD.HAN.K25	Dương Quốc Bảo	Nam	22/12/2007	Tày	Lả 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002650	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
126	2	2565201230011	CD.HAN.K25	Vi Văn Dân	Nam	17/10/2004	Dáy	Cùm Thượng 1	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010204000978	
127	3	2565102160029	CD.HAN.K25	Phạm Văn Chiến	Nam	02/7/2007	Tày	Bắt 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207007501	
128	4	2565102160037	CD.HAN.K25	Hoàng Bách Hiệp	Nam	15/12/2007	Tày	Ngầu 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003015	
129	5	2565201230001	CD.HAN.K25	Nguyễn Hải Đăng	Nam	05/4/2007	Tày	Chiềng 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002438	
130	6	2565201230002	CD.HAN.K25	Hoàng Khánh Duy	Nam	05/7/2007	Tày	Ngầu 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008913	
131	7	2565201230003	CD.HAN.K25	Vàng A Hù	Nam	20/3/2007	Mông	Lả Khắt	Púng Luông	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	015207008523	
132	8	2565201230005	CD.HAN.K25	Sùng Anh Nguyên	Nam	24/12/2007	Mông	Lao Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003022	
133	9	2565201230006	CD.HAN.K25	La Đức Phan	Nam	27/5/2007	Tày	Bắt 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002901	
134	10	2565202270034	CD.HAN.K25	Phạm Thiện Bản	Nam	19/11/2007	Tày	Bắt 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207006816	
135	11	2565202270068	CD.HAN.K25	Lịch Công Thiên	Nam	03/02/2007	Tày	Thôn Chiềng 4	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207009294	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5A: 8 Học sinh													
136	1	2455102160001	TC.COT.K24.5A	Nguyễn Văn Bân	Nam	14/02/2009	Tày	Én 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209006047	
137	2	2455102160005	TC.COT.K24.5A	Lý Láo Ú Đồng	Nam	12/3/2009	Dao	Xéo Tả 1	Hợp Thành	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010209002498	
138	3	2455102160009	TC.COT.K24.5A	Đặng Văn Lai	Nam	04/3/2005	Dao	Nậm Cản	Nậm Chày	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205006857	
139	4	2455102160011	TC.COT.K24.5A	Ly Văn Lin	Nam	22/4/2009	Mông	Lùng Húi	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209003943	
140	5	2455102160019	TC.COT.K24.5A	Thào Seo Thành	Nam	15/5/2009	Hmông	Phìn Giàng A	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209004805	
141	6	2455102160022	TC.COT.K24.5A	Hoàng Anh Tuấn	Nam	04/7/2009	Tày	Bản 1 Là	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010209003017	
142	7	2455102160024	TC.COT.K24.5A	Hoàng Thế Vinh	Nam	16/6/2008	Dao	Cam 2	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010208003789	
143	8	2455102160025	TC.COT.K24.5A	Đặng Quốc Vương	Nam	01/8/2009	Dao	Ly 1-2	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010209007567	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5B: 6 Học sinh													
144	1	2455102160028	TC.COT.K24.5B	Hoàng Thành Đạt	Nam	03/02/2009	Tày	Khuân Đo	Dương Quỳ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209004146	
145	2	2455102160032	TC.COT.K24.5B	Hứa Việt Hoàng	Nam	18/02/2009	Tày	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010209003933	
146	3	2455102160033	TC.COT.K24.5B	Vàng Phi Hùng	Nam	08/01/2009	Giáy	Tả Van Dáy 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209006285	
147	4	2455102160034	TC.COT.K24.5B	Hà Duy Khương	Nam	10/10/2009	Tày	Bắt 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209009435	
148	5	2455102160036	TC.COT.K24.5B	Lý Sành Nhân	Nam	09/01/2009	Dao	San Lùng	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209006493	
149	6	2455102160048	TC.COT.K24.5B	Cổ Minh Thanh	Nam	07/9/2009	Tày	Nậm Kỳ	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209007144	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K25.5A: 7 Học sinh													
150	1	2555102160017	TC.COT.K25.5A	Đặng Hiệu Minh	Nam	25/01/2010	Dao	Nậm Cài	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210007031	
151	2	2555102160001	TC.COT.K25.5A	Đặng Ngọc An	Nam	02/01/2010	Tày	Bản Điện	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009480	
152	3	2555102160012	TC.COT.K25.5A	Bản Đặng Thanh Huyền	Nam	28/11/2010	Dao	Nậm Hu	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009300	
153	4	2555102160025	TC.COT.K25.5A	Lự Đức Thắng	Nam	04/7/2010	Tày	Ngần 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210008287	
154	5	2555102160028	TC.COT.K25.5A	Tải Trung Thiện	Nam	17/01/2010	Nùng	Thôn 2	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210000217	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
155	6	2555102160029	TC.COT.K25.5A	Bàn Tiến Thọ	Nam	23/5/2010	Dao	Đầu Nhuan	Tằng Loỏng	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010210003359	
156	7	2555102160031	TC.COT.K25.5A	Đặng Phúc Tiến	Nam	04/9/2010	Dao	Đầu Nhuan	Tằng Loỏng	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010210009097	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K25.5B: 8 Học sinh													
157	1	2555102160054	TC.COT.K25.5B	Má A Phong	Nam	05/01/2009	Hmông	Tòng sành	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209006503	
158	2	2555102160064	TC.COT.K25.5B	Sùng Khang Vũ	Nam	01/5/2010	Mông	Thôn 2 Nhài Tèn	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010210001606	
159	3	2555102160040	TC.COT.K25.5B	Giàng Seo Cường	Nam	06/6/2010	HMông	Khao	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210006244	
160	4	2555102160041	TC.COT.K25.5B	Liều Văn Dãy	Nam	05/8/2010	Hmông	Tả Tè Lế	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210005253	
161	5	2555102160042	TC.COT.K25.5B	Sùng A Di	Nam	22/7/2010	Hmông	Phìn Páo	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210003687	
162	6	2555102160047	TC.COT.K25.5B	Chín Đức Hoàn	Nam	03/8/2010	Nùng	Thôn Hồ	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210004182	
163	7	2555102160057	TC.COT.K25.5B	Sùng Văn Quý	Nam	19/02/2007	Mông	Nà Phung	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207006525	
164	8	2555102160059	TC.COT.K25.5B	Lý Hữu Thọ	Nam	20/11/2010	Dao	Tả Chải	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210004518	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.4: 12 Học sinh													
165	1	2455201230019	TC.HAN.K24.4	Thào Seo Phừ	Nam	18/12/2009	Mông	Sin Chải Lùng Chín	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209005135	
166	2	2455201230023	TC.HAN.K24.4	Thào Seo Sính	Nam	05/10/2009	Mông	Pờ Chồ	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209008933	
167	3	2455201230037	TC.HAN.K24.4	Vàng Đức Khánh	Nam	01/02/2009	Nùng	Nậm Hản	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209005996	
168	4	2455201230050	TC.HAN.K24.4	Triệu Quý Tiến	Nam	25/12/2008	Dao	Nậm Đét	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208001166	
169	5	2455201230051	TC.HAN.K24.4	Vù Seo Tỉnh	Nam	15/9/2009	Hmông	Quán Dín Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010209009840	
170	6	2455201230057	TC.HAN.K24.4	Vàng Văn Long	Nam	30/3/2009	Tày	Sả Mào Phố	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209002796	
171	7	2455201230058	TC.HAN.K24.4	Chấu Seo Phúc	Nam	07/10/2006	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010206007660	
172	8	2455201230059	TC.HAN.K24.4	Sin A Sầu	Nam	21/12/2009	Nùng	Nậm Thảng	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206002660	
173	9	2455201230061	TC.HAN.K24.4	Giàng Ngọc Trường Sơn	Nam	04/01/2009	HMông	Hầu Đào	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010209007266	
174	10	2455201230062	TC.HAN.K24.4	Lồ Seo Xénh	Nam	28/11/2009	Hmông	Quán Dín Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010209009468	
175	11	2455201230063	TC.HAN.K24.4	Trương Minh Hiếu	Nam	07/6/2009	Dao	Lùng Xa 1	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209003468	
176	12	2455201230068	TC.HAN.K24.4	Triệu Văn Vây	Nam	04/8/2009	Dao	Tổng Hạ	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209003512	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.5: 2 Học sinh													
177	1	2455201230004	TC.HAN.K24.5	Vì Văn Đức	Nam	28/12/2009	Thái	Hua Cản	Tân Uyên	Lai Châu	Thôn ĐBKk	140.000	012209003517	
178	2	2455201230010	TC.HAN.K24.5	Hoàng Minh Nhẫn	Nam	24/11/2009	Dao	Đầu Nhuan	Tằng Loỏng	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010209010147	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.6: 7 Học sinh													
179	1	2455201230072	TC.HAN.K24.6	Trương Chấn Chung	Nam	04/6/2009	Pa Dí	Sa Pả	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209001849	
180	2	2455201230080	TC.HAN.K24.6	Tráng Thính Hiếu	Nam	28/10/2009	Mông	Pha Long 2	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209004306	
181	3	2455201230085	TC.HAN.K24.6	Phàn Thanh Long	Nam	25/9/2009	Dao	Cốc Râm	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209004261	
182	4	2455201230087	TC.HAN.K24.6	Hoàng Duy Mạnh	Nam	23/10/2009	Nùng	Cốc Cáng	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209009922	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
183	5	2455201230091	TC.HAN.K24.6	Vàng Thị Pằng	Nữ	28/12/2009	Mông	Sấn Pàn	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209005565	
184	6	2455201230099	TC.HAN.K24.6	Vùi Dung Thanh	Nam	06/10/2009	Nùng	Cốc Cánh	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209003094	
185	7	2455201230101	TC.HAN.K24.6	Vàng Mạnh Thành	Nam	17/4/2008	Mông	Sấn Pàn	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208002220	
Lớp Trung cấp Hàn K25.4: 4 Học sinh														
186	1	2555201230051	TC.HAN.K25.4	Lý Lê Lợi	Nam	23/9/2010	Dao	Thảm Phúc	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210001590	
187	2	2555201230052	TC.HAN.K25.4	Thào Seo Long	Nam	23/5/2010	Hmông	Phìn Giàng	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210001242	
188	3	2555201230063	TC.HAN.K25.4	Vàng Seo Quảng	Nam	26/01/2010	Hmông	Nậm Hán 2	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009524	
189	4	2555201230066	TC.HAN.K25.4	Hảng Seo Say	Nam	29/5/2010	Hmông	Nậm Ké	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210001559	
Lớp Trung cấp Hàn K25.5: 9 Học sinh														
190	1	2555201230001	TC.HAN.K25.5	Lự Quốc Anh	Nam	05/02/2010	Tày	Ngầu 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210008182	
191	2	2555201230005	TC.HAN.K25.5	Ma Văn Chu	Nam	19/3/2010	Mông	Na Lốc 4	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010210005618	
192	3	2555201230008	TC.HAN.K25.5	Má A Hường	Nam	26/11/2009	Mông	Phìn Hồ	Hợp Thành	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010209006056	
193	4	2555201230010	TC.HAN.K25.5	Vàng A Long	Nam	19/5/2008	Mông	Cùng Lũng	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208002014	
194	5	2555201230011	TC.HAN.K25.5	Vùi Thành Long	Nam	13/5/2010	Tày	Cốc Né	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210006256	
195	6	2555201230013	TC.HAN.K25.5	Ngải Seo Nam	Nam	25/9/2010	Mông	Tả Thò 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010210004688	
196	7	2555201230016	TC.HAN.K25.5	Vàng Ông Nhất	Nam	20/02/2009	Dao	Trát 1	Tằng Loỏng	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010209002286	
197	8	2555201230019	TC.HAN.K25.5	Sùng Ngọc Phong	Nam	01/9/2010	Mông	Tiên Phong	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210008015	
198	9	2555201230027	TC.HAN.K25.5	Hoàng Anh Vũ	Nam	11/01/2010	Tày	Khuân Đo	Dương Quỳ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009434	
Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K24: 12 Sinh viên														
199	1	2468101030005	CD.HDL.K24	Lý Sinh Chánh	Nam	15/01/2003	HMông	Bản Khao	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010203005554	
200	2	2468101030010	CD.HDL.K24	Sùng A Dũng	Nam	01/10/2005	Mông	Ý Linh Hồ 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205009516	
201	3	2468101030016	CD.HDL.K24	Tần Thị Ghìn	Nữ	04/11/2006	Dao	Rừng ỏi Khèo Thầu	Tả Lèng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012306001892	
202	4	2468101030023	CD.HDL.K24	Châu Thị Huyền	Nữ	17/3/2003	Nùng	Bản Cầm	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010303008766	
203	5	2468101030026	CD.HDL.K24	Lù Thị Linh	Nữ	13/8/2003	H.Mông	Tòng Mòn	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010303009078	
204	6	2468101030031	CD.HDL.K24	Châu Seo Mênh	Nam	06/02/2006	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010206003515	
205	7	2468101030042	CD.HDL.K24	Hoàng Ngọc Thanh	Nam	19/4/2006	Tày	Lảng 2	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010206005834	
206	8	2468101030044	CD.HDL.K24	Lù A Thịnh	Nam	21/01/2005	Mông	Pho Xin Chải	Tả Lèng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012205001541	
207	9	2468101030045	CD.HDL.K24	Hoàng Anh Thủy	Nam	26/12/2006	Tày	Nà Trang	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010206009061	
208	10	2468101030047	CD.HDL.K24	Phan Văn Tuyển	Nam	10/7/2003	Giáy	Tả Van Dãy 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010203006773	
209	11	2468101030049	CD.HDL.K24	Hảng A Vàng	Nam	07/5/2005	Mông	Pho Xin Chải	Tả Lèng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012205001622	
210	12	2468101030052	CD.HDL.K24	Cư Thị Xanh	Nữ	17/12/2007	Hmông	Bùn Đạo	Lâm Giang	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	015307007105	
Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25: 6 Sinh viên														

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
211	1	2568101030008	CĐ.HDL.K25	Lò Thị Duyên Hồng	Nữ	12/9/2007	Thái	Bản Nà Phát	Bình Lư	Lai Châu	Thôn ĐBK	140.000	012307006449	
212	2	2568101030010	CĐ.HDL.K25	Lý Việt Hùng	Nam	23/3/2007	Dao	Tả Chải Dao	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207001873	
213	3	2568101030013	CĐ.HDL.K25	Giàng Seo Lao	Nam	01/7/2006	Mông	Phìn Giàng A	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206005099	
214	4	2568101030025	CĐ.HDL.K25	Mùa A Sào	Nam	01/3/2007	HMông	Ma Sao Phìn Thấp	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012207004800	
215	5	2568101030035	CĐ.HDL.K25	Lương Văn Trung	Nam	29/8/2007	Tày	Bản Ràng	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002354	
216	6	2568101030098	CĐ.HDL.K25	Lý Láo Lở	Nam	18/4/2007	Dao	Tả Chải Dao	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207009873	
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25A.TTQ: 7 Sinh viên													
217	1	2568101030097	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Nông Việt Hưng	Nam	01/12/2006	Tày	Bản 1 Là	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010206004215	
218	2	2568101030054	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Long Thị Hoa	Nữ	10/5/2007	Tày	Bản Khuổi Ca	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307002984	
219	3	2568101030063	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Vì Diệu Linh	Nữ	07/11/2007	Dáy	Tòng Mòn	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307004748	
220	4	2568101030069	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Chèo Xoang Mìn	nam	17/7/2006	Dao	Phăng Sô Lin	Sìn Hồ	Lai châu	Xã khu vực III	140.000	012206001988	
221	5	2568101030077	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Mai Thị Thu Phương	Nữ	27/7/2007	Tày	Mũng	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307009427	
222	6	2568101030084	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Lương Thị Thơm	Nữ	27/5/2007	Tày	Loong Chai	Khánh Yên	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307008458	
223	7	2568101030089	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Hoàng Thị Mai Trang	Nữ	24/01/2007	Tày	Khuổi Ca	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307001656	
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25B.TTQ: 9 Sinh viên													
224	1	2568101030041	CĐ.HDL.K25B.TTQ	Sùng Văn Chinh	Nam	14/01/2007	Mông	Thảo Chư Phìn	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207005727	
225	2	2568101030053	CĐ.HDL.K25B.TTQ	Sùng Thị Hành	Nữ	17/01/2005	Nùng	Khâu Táo	Xín Mần	Tuyên Quang	Xã khu vực III	140.000	002305002477	
226	3	2568101030055	CĐ.HDL.K25B.TTQ	Sùng Xuân Hồng	Nam	26/11/2003	Mông	Sao Cô Sín	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010203008505	
227	4	2568101030073	CĐ.HDL.K25B.TTQ	Hoàng Thị Mai Nguyệt	Nữ	12/7/2007	Giáy	Thi	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307006634	
228	5	2568101030074	CĐ.HDL.K25B.TTQ	Hoàng Bảo Nhi	Nữ	14/3/2007	Giáy	Thi	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307004022	
229	6	2568101030076	CĐ.HDL.K25B.TTQ	Trần Thanh Phương	Nữ	12/01/2007	Tày	Bản Mũng	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307005058	
230	7	2568101030083	CĐ.HDL.K25B.TTQ	Lý Phương Thảo	Nữ	11/12/2007	Dao	Thôn 4Vài Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307001788	
231	8	2568101030085	CĐ.HDL.K25B.TTQ	Hoàng Thị Thu Thủy	Nữ	29/11/2005	Tày	Phan Chu Hoa	Tân Phong	Lai Châu	Thôn ĐBK	140.000	015305001505	
232	9	2568101030091	CĐ.HDL.K25B.TTQ	Lù Minh Trọng	Nam	20/5/2004	Nùng	Lò Suối Tùng	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010204001427	
	Lớp Cao đẳng Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K24: 9 Sinh viên													
233	1	2468101010003	CĐ.QDL.K24	Vương Văn Bản	Nam	15/02/2006	Giáy	Bản Cầm	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206003642	
234	2	2468101010006	CĐ.QDL.K24	Thảo Thị Chinh	Nữ	11/11/2005	HMông	Ý Linh Hồ 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010305001850	
235	3	2468101010007	CĐ.QDL.K24	Vàng A Chờ	Nam	25/4/2006	Mông	Thôn Cát Cát	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206000908	
236	4	2468101010017	CĐ.QDL.K24	Má Thị May	Nữ	14/3/2006	HMông	Cát Cát	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010306008887	
237	5	2468101010025	CĐ.QDL.K24	Vàng Thị Tâm	Nữ	10/9/2002	Giáy	Tòng Chú	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010302003514	
238	6	2468101010028	CĐ.QDL.K24	Vàng A Tùng	Nam	16/3/2006	HMông	Cát Cát	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206009150	
239	7	2468101010029	CĐ.QDL.K24	Hạng Thị Tùng	Nữ	03/9/2006	Mông	Suối Thầu 2	Ngũ Chi Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010306009463	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
240	8	2468101010030	CD.QDL.K24	Hoàng Thanh Tùng	Nam	29/4/2005	Tày	Nà Trang	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010205005563	
241	9	2468101010033	CD.QDL.K24	Vàng Thị Vú	Nữ	03/10/2004	Mông	Cát Cát	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010304006686	
	Lớp Cao đẳng Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K25: 4 Sinh viên													
242	1	2568101010002	CD.QDL.K25	Đặng Phương Châm	Nữ	17/5/2006	Dao	Bản 4 Vành	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306005363	
243	2	2568101010003	CD.QDL.K25	Lương Thị Thanh Chuyên	Nữ	20/9/2005	Tày	Chiềng 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010305006131	
244	3	2568101010006	CD.QDL.K25	Nông Thị Hồng Dịu	Nữ	20/12/2007	Tày	Bản Múng	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010307006585	
245	4	2568101010017	CD.QDL.K25	Hoàng Minh Thiện	Nam	14/01/2007	Nùng	Nậm Tang	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008172	
	Lớp Cao đẳng Quản trị khách sạn K24: 1 Sinh viên													
246	1	2468102010003	CD.QKS.K24	Lý Mai Anh	Nữ	17/02/2006	Dao	Bản 5	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010306002945	
	Lớp Cao đẳng Quản trị khách sạn K25: 7 Sinh viên													
247	1	2568102010022	CD.QKS.K25	Phạm Thanh Phương	Nữ	20/8/2008	Kinh	Lương Cải	Trung Sơn	Tuyên Quang	Hộ nghèo	100.000	008308000254	
248	2	2568102010023	CD.QKS.K25	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	26/8/2007	Tày	Bản Múng	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	026307013300	
249	3	2568102010025	CD.QKS.K25	Má Thị Si	Nữ	09/5/2007	Hmông	TDP Hàm Rồng 1	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010307006430	
250	4	2568102010026	CD.QKS.K25	Hảng Thị Sung	Nữ	15/10/2007	Mông	Bản Hồ Pên	Tả Lèng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012307008376	
251	5	2568102010027	CD.QKS.K25	Nguyễn Đức Thắng	Nam	06/4/2008	Tày	Suối Thầu Dao	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010208006519	
252	6	2568102010031	CD.QKS.K25	Lục Minh Toàn	Nam	27/01/2007	Nùng	Bản Cầm	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002515	
253	7	2568102010034	CD.QKS.K25	Sùng Thị Vân	Nữ	15/01/2008	Mông	Lũng Pô	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010308003796	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K24.7A: 13 Học sinh													
254	1	2458101030020	TC.HDL.K24.7A	Má Thị Ca	Nữ	30/10/2008	Hmông	TDP Hàm rồng 1	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010308002047	
255	2	2458101030022	TC.HDL.K24.7A	Thào Thị Pây	Nữ	08/11/2009	Mông	TDP Sa Pa 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309001192	
256	3	2458101030032	TC.HDL.K24.7A	Thào A Sáu	Nam	22/02/2008	Mông	TDP Sa Pa 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010208006290	
257	4	2458101030033	TC.HDL.K24.7A	Hạng Thị Si	Nữ	25/02/2009	Mông	TDP Ô Quý Hồ 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309000533	
258	5	2458101030035	TC.HDL.K24.7A	Châu A Vinh	Nam	30/12/2009	HMông	Hầu Chư Ngải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209000447	
259	6	2458101030036	TC.HDL.K24.7A	Giàng Thị Dủ	Nữ	03/8/2008	HMông	Thào Hồng Dền	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010308008424	
260	7	2458101030038	TC.HDL.K24.7A	Giàng A Linh	Nam	13/7/2008	Mông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010208007210	
261	8	2458101030039	TC.HDL.K24.7A	Hạng Thị Tuyết Mây	Nữ	22/5/2009	HMông	Suối Thầu 2	Ngũ Chỉ Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010390902438	
262	9	2458101030042	TC.HDL.K24.7A	Lý Thu Thủy	Nữ	25/5/2009	HMông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309002095	
263	10	2458101030043	TC.HDL.K24.7A	Thào Văn Tiến	Nam	27/4/2009	HMông	Suối Thầu Mông	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209008684	
264	11	2458101030045	TC.HDL.K24.7A	Thào A Tráng	Nam	14/01/2009	HMông	TDP Hàm rồng 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209009909	
265	12	2458101030046	TC.HDL.K24.7A	Lý A Trờ	Nam	15/4/2009	Mông	Can Hồ Mông	Ngũ Chỉ Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000		
266	13	2458101030047	TC.HDL.K24.7A	Giàng Thị Ly	Nữ	04/4/2009	HMông	Thôn Hàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309003758	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K24.7B: 13 Học sinh													

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
267	1	2458101030053	TC.HDL.K24.7B	Hạng A Giồng	Nam	28/02/2009	HMông	TDP Hàm Rồng 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209003354	
268	2	2458101030060	TC.HDL.K24.7B	Hạng Thị Say	Nữ	25/7/2009	HMông	TDP Hàm Rồng 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309006555	
269	3	2458101030061	TC.HDL.K24.7B	Giàng Thị Si	Nữ	01/01/2009	Mông	Tả Chải Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309008300	
270	4	2458101030063	TC.HDL.K24.7B	Thào Thị Xi	Nữ	13/7/2008	HMông	TDP Sa Pa 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010308001426	
271	5	2458101030067	TC.HDL.K24.7B	Lý Thị Lang	Nữ	09/4/2009	HMông	Hầu Chư Ngải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309000012	
272	6	2458101030073	TC.HDL.K24.7B	Giàng Thị Pàng	Nữ	08/9/2009	HMông	TDP Sa Pa 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309000057	
273	7	2458101030076	TC.HDL.K24.7B	Giàng A Sĩ	Nam	20/4/2009	HMông	Bản Pho	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209006254	
274	8	2458101030077	TC.HDL.K24.7B	Giàng A Sừ	Nam	15/5/2009	Mông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209004825	
275	9	2458101030078	TC.HDL.K24.7B	Má Thị Tùng	Nữ	09/7/2009	HMông	Hang Đá	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309004231	
276	10	2458101030080	TC.HDL.K24.7B	Lò A Cua	Nam	28/02/2009	HMông	Thôn Lò	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209002105	
277	11	2458101030081	TC.HDL.K24.7B	Vàng A Sinh	Nam	03/8/2008	HMông	Lò	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208005442	
278	12	2458101030082	TC.HDL.K24.7B	Giàng Thị Sô	Nữ	10/3/2009	HMông	Hàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309006611	
279	13	2458101030083	TC.HDL.K24.7B	Lò Thị Sy	Nữ	05/3/2008	HMông	Lò	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010308006539	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K25.5: 4 Học sinh													
280	1	2558101030022	TC.HDL.K25.5	Tần Lở Mây	Nữ	15/6/2010	Dao	Phù Lao Chải	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310007022	
281	2	2558101030031	TC.HDL.K25.5	Tráng Thị Say	Nữ	20/5/2009	Hmông	Nà Nheo	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309005118	
282	3	2558101030042	TC.HDL.K25.5	Chào Đức Việt	Nam	28/6/2010	Dao	Chu Cang Hồ	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210005323	
283	4	255810103016	TC.HDL.K25.5	Giàng A Ký	Nam	16/11/2008	Mông	Phìn Hồ	Hợp Thành	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010208004641	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K25.7: 15 Học sinh													
284	1	2558101030050	TC.HDL.K25.7	Sùng A Bảo	Nam	07/11/2010	Mông	Thảo Hồng Dền	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210000449	
285	2	2558101030052	TC.HDL.K25.7	Sùng A Cầu	Nam	12/10/2010	Hmông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210002913	
286	3	2558101030053	TC.HDL.K25.7	Hạng Thị Cha	Nữ	19/9/2010	Hmông	TDP Sa Pa 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010310006073	
287	4	2558101030058	TC.HDL.K25.7	Lý Thị Gồng	Nữ	08/12/2010	Hmông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010310007548	
288	5	2558101030061	TC.HDL.K25.7	Giàng Thị Mão	Nữ	25/12/2010	Hmông	Tả Chải Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310000416	
289	6	2558101030062	TC.HDL.K25.7	Giàng Thị Mú	Nữ	08/10/2009	Hmông	Lao Chải San 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309001845	
290	7	2558101030065	TC.HDL.K25.7	Châu Thị Sáy	Nữ	08/10/2009	Hmông	Chu Lìn 1	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309004167	
291	8	2558101030067	TC.HDL.K25.7	Giàng A Sinh	Nam	19/01/2010	Hmông	Chu Lìn 1	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210007899	
292	9	2558101030068	TC.HDL.K25.7	Hạng Minh Sinh	Nam	09/10/2010	Hmông	Tả Van Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210008259	
293	10	2558101030071	TC.HDL.K25.7	Lý A Sỷ	Nam	28/02/2010	Hmông	Lao Hàng Chải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210000334	
294	11	2558101030072	TC.HDL.K25.7	Sùng A Thắng	Nam	18/5/2010	Hmông	Hoà Sừ Pán 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210004747	
295	12	2558101030073	TC.HDL.K25.7	Giàng A Thanh	Nam	25/5/2010	Hmông	Thảo Hồng Dền	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009171	
296	13	2558101030074	TC.HDL.K25.7	Lý A Tính	Nam	30/10/2010	Hmông	Hầu Chư Ngải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210008419	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
297	14	2558101030076	TC.HDL.K25.7	Lý Thị Vang	Nữ	22/9/2010	Mông	Hàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310007189	
298	15	2558101030077	TC.HDL.K25.7	Lý Thị Vu	Nữ	28/10/2009	Mông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309006519	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.1: 9 Học sinh													
299	1	2458102050055	TC.NNK.K24.1	Sùng A Cương	Nam	06/02/2009	Mông	Khe Đèn 1	Bảo Thắng	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209000141	
300	2	2458102050058	TC.NNK.K24.1	Bản Thị Duyên	Nữ	28/3/2009	Dao	Khe Tắm	Bảo Thắng	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309001529	
301	3	2458102050062	TC.NNK.K24.1	Lý Thị Hải Hà	Nữ	20/8/2009	Dao	Thôn 1 Nhai Tền	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309001744	
302	4	2458102050065	TC.NNK.K24.1	Triệu Thị Hải	Nữ	14/12/2009	Dao	Thôn Cam 3	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309003905	
303	5	2458102050072	TC.NNK.K24.1	Hoàng Thị Lan	Nữ	18/7/2009	Tày	Cộng 1	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309008787	
304	6	2458102050078	TC.NNK.K24.1	Triệu Thị Ngân	Nữ	16/12/2008	Dao	Thôn Cam 3	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010308002489	
305	7	2458102050080	TC.NNK.K24.1	Lý Thị Kim Nhiên	Nữ	21/12/2009	Dao	Khe Tắm	Bảo Thắng	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309001884	
306	8	2458102050094	TC.NNK.K24.1	Ma Thị Trang	Nữ	29/12/2009	Mông	Khe Đèn 2	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309003279	
307	9	2458102050097	TC.NNK.K24.1	Lý Thị Vui	Nữ	21/5/2009	Dao	Khe Tắm	Bảo Thắng	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309005441	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.4: 19 Học sinh													
308	1	2458102050099	TC.NNK.K24.4	Giàng Thị Cánh	Nữ	06/4/2009	HMông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309002882	
309	2	2458102050100	TC.NNK.K24.4	Cử Thị Chua	Nữ	13/12/2009	Mông	Nhiều Lũng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309002436	
310	3	2458102050103	TC.NNK.K24.4	Lâm Phương Linh	Nữ	04/8/2009	Tày	Pắc Kè	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309006895	
311	4	2458102050104	TC.NNK.K24.4	Lò Seo Măng	Nam	24/7/2009	Mông	Sân Chư Ván	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209003847	
312	5	2458102050109	TC.NNK.K24.4	Trương Việt Thành	Nam	17/6/2009	Dao	Nậm Khánh	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209003182	
313	6	2458102050113	TC.NNK.K24.4	Cử Thị Cháu	Nữ	20/11/2009	Mông	Nhiều Lũng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309007581	
314	7	2458102050121	TC.NNK.K24.4	Lý Việt Hiếu	Nam	19/3/2009	Dao	Nậm Cài	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209006008	
315	8	2458102050128	TC.NNK.K24.4	Lù Thị Mai	Nữ	08/12/2008	Nùng	Sông Lầm	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010308007354	
316	9	2458102050133	TC.NNK.K24.4	Giàng A Tính	Nam	04/5/2009	HMông	Nhiều Cù Ván	Lũng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209008521	
317	10	2458102050137	TC.NNK.K24.4	Giàng Seo Viên	Nam	23/01/2009	Mông	Xín Chải	Lũng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209009740	
318	11	2458102050138	TC.NNK.K24.4	Lý Văn Cường	Nam	07/5/2009	Nùng	Mà Phố	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209008561	
319	12	2458102050139	TC.NNK.K24.4	Giàng Seo Cường	Nam	21/4/2009	Mông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209007260	
320	13	2458102050140	TC.NNK.K24.4	Ma Seo Đông	Nam	24/6/2009	Mông	Lũng Phình	Lũng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209004584	
321	14	2458102050141	TC.NNK.K24.4	Sùng Seo Giàng	Nam	15/5/2009	Mông	Pù Chù Ván	Lũng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209009884	
322	15	2458102050144	TC.NNK.K24.4	Lù Thị Lưu	Nữ	03/12/2009	Nùng	Na Ảng	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309004035	
323	16	2458102050145	TC.NNK.K24.4	Vàng Thị Như	Nữ	27/9/2009	Tày	Đội 3	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309004647	
324	17	2458102050147	TC.NNK.K24.4	Giàng A Sử	Nam	14/7/2009	Mông	Phìn Giàng B	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209000144	
325	18	2458102050149	TC.NNK.K24.4	Thào Văn Ván	Nam	05/10/2009	Mông	Lao Chải Phà Hai Túng	Lũng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209005122	
326	19	2458102050150	TC.NNK.K24.4	Triệu Tài Lợi	Nam	14/02/2009	Dao	Nậm Đét	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209008370	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/ tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.5.CLC: 6 Học sinh													
327	1	2458102050004	TC.NNK.K24.5.CLC	Đặng Thị Hiền	Nữ	30/01/2009	Dao	Ít Nộc	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309004969	
328	2	2458102050007	TC.NNK.K24.5.CLC	Lý Xuân Luân	Nam	07/9/2009	Hmông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209003713	
329	3	2458102050013	TC.NNK.K24.5.CLC	Triệu Thị Pháy	Nữ	08/11/2009	Dao	Đầu Nhuan	Tăng Loong	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309002341	
330	4	2458102050015	TC.NNK.K24.5.CLC	Hạng Thị Súa	Nữ	01/10/2009	Hmông	Nậm Pén 1	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309002663	
331	5	2458102050016	TC.NNK.K24.5.CLC	Vàng Thị Sỷ	Nữ	25/01/2008	H.Mông	Vạn Dền Sừ 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010308001768	
332	6	2458102050017	TC.NNK.K24.5.CLC	Vàng Láo Tả	Nam	24/02/2009	Dao	Bản Pho	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209009502	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.7A: 15 Học sinh													
333	1	2458102050152	TC.NNK.K24.7A	Thào Thị Dí	Nữ	01/10/2009	Hmông	Tả Chải Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309001578	
334	2	2458102050155	TC.NNK.K24.7A	Giàng Thị Măng	Nữ	11/9/2009	Hmông	Lao Hàng Chải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309009074	
335	3	2458102050158	TC.NNK.K24.7A	Sùng A Cha	Nam	07/02/2009	Hmông	Ý Linh Hồ 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209000445	
336	4	2458102050167	TC.NNK.K24.7A	Lồ A Phong	Nam	23/12/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209003324	
337	5	2458102050174	TC.NNK.K24.7A	Giàng A Chính	Nam	01/11/2008	Hmông	Bản Pho	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208004530	
338	6	2458102050175	TC.NNK.K24.7A	Hạng A Chung	Nam	26/01/2009	Hmông	Tả Van Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209001881	
339	7	2458102050177	TC.NNK.K24.7A	Thào Thị Dưa	Nữ	06/11/2009	Mông	Tả Chải Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309006337	
340	8	2458102050179	TC.NNK.K24.7A	Lý Thị Mai Hoa	Nữ	03/10/2009	Hmông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309006836	
341	9	2458102050182	TC.NNK.K24.7A	Châu A Sà	Nam	24/12/2007	Mông	Hòa Sừ Pán 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008114	
342	10	2458102050183	TC.NNK.K24.7A	Má Thị So	Nữ	26/11/2009	Hmông	Hàng Đá	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309008547	
343	11	2458102050185	TC.NNK.K24.7A	Vàng Thị Súa	Nữ	01/01/2009	Hmông	Vạn Dền Sừ 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309007487	
344	12	2458102050187	TC.NNK.K24.7A	Lồ A Chơ	Nam	08/01/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209008537	
345	13	2458102050188	TC.NNK.K24.7A	Lồ A Chương	Nam	09/9/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209004776	
346	14	2458102050189	TC.NNK.K24.7A	Vàng Thị Ghinh	Nữ	05/7/2008	Hmông	Cát Cát	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010308003416	
347	15	2458102050190	TC.NNK.K24.7A	Má Thị Súa	Nữ	07/6/2008	Hmông	Hàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010308008549	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.7B: 19 Học sinh													
348	1	2458102050198	TC.NNK.K24.7B	Lồ A Chính	Nam	03/10/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209008410	
349	2	2458102050199	TC.NNK.K24.7B	Lồ Thị Di	Nữ	27/01/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309007118	
350	3	2458102050200	TC.NNK.K24.7B	Má Thị Dở	Nữ	02/5/2009	Mông	TDP Hàm Rồng 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309007699	
351	4	2458102050202	TC.NNK.K24.7B	Lý A Ký	Nam	20/6/2008	Hmông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010208007284	
352	5	2458102050203	TC.NNK.K24.7B	Lý A Lênh	Nam	25/5/2009	Mông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209008805	
353	6	2458102050204	TC.NNK.K24.7B	Chang Thị Ly	Nữ	29/6/2009	Hmông	Tả Van Dây 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309001257	
354	7	2458102050207	TC.NNK.K24.7B	Thào A Sèo	Nam	26/02/2008	Hmông	Hàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208008108	
355	8	2458102050208	TC.NNK.K24.7B	Sùng A Tỏa	Nam	01/3/2009	Hmông	Ý Linh Hồ 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000		

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
356	9	2458102050213	TC.NNK.K24.7B	Châu A Chinh	Nam	05/12/2009	Mông	Hầu Chư Ngải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209000310	
357	10	2458102050214	TC.NNK.K24.7B	Hạng Văn Chúng	Nam	02/12/2009	Mông	Tả Van Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	0102090006716	
358	11	2458102050217	TC.NNK.K24.7B	Má Thị Mai	Nữ	08/11/2009	Hmông	Hang Đá	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309000009	
359	12	2458102050218	TC.NNK.K24.7B	Hạng A Mông	Nam	04/12/2009	Hmông	TDP Cầu Mây 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209004089	
360	13	2458102050219	TC.NNK.K24.7B	Má Hồng Sơn	Nam	29/11/2009	Hmông	Hang Đá	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209009660	
361	14	2458102050220	TC.NNK.K24.7B	Tần A Sùng	Nam	10/5/2008	Hmông	Hòa Sư Pán 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208009473	
362	15	2458102050221	TC.NNK.K24.7B	Chang A Sương	Nam	20/9/2009	Hmông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209005476	
363	16	2458102050222	TC.NNK.K24.7B	Má A Thành	Nam	15/8/2009	Hmông	Hang Đá	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209008202	
364	17	2458102050223	TC.NNK.K24.7B	Lý A Thào	Nam	05/3/2009	Hmông	TDP Cầu Mây 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209009204	
365	18	2458102050224	TC.NNK.K24.7B	Má A Tre	Nam	01/01/2009	Hmông	Tả Van Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209009230	
366	19	2458102050226	TC.NNK.K24.7B	Chang Ngọc Chu	Nam	13/10/2009	Hmông	Tả Van Dây 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209000377	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.5: 10 Học sinh													
367	1	2558102050005	TC.NNK.K25.5	Lương Hải Đăng	Nam	04/11/2010	Tày	Nậm Bó	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210009682	
368	2	2558102050020	TC.NNK.K25.5	Sùng Lan Sinh	Nữ	22/10/2010	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010310004134	
369	3	2558102050027	TC.NNK.K25.5	Chào Việt Anh	Nam	21/12/2010	Dao	Sơn Hà	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210009747	
370	4	2558102050033	TC.NNK.K25.5	Hầu Thị Dở	Nữ	10/7/2010	Hmông	Pờ si ngải	Bản xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310009187	
371	5	2558102050034	TC.NNK.K25.5	Tráng Thị Đông	Nữ	08/11/2010	Hmông	Nà Nheo	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010310001356	
372	6	2558102050043	TC.NNK.K25.5	Sùng A Phổng	Nam	01/4/2010	Hmông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009012	
373	7	2558102050047	TC.NNK.K25.5	Giàng Thị So	Nữ	21/12/2010	Hmông	Tòong Sành	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310007438	
374	8	2558102050053	TC.NNK.K25.5	Giàng Thị Thu	Nữ	17/11/2010	Mông	Phìn Giàng	Xuân Quang	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010310002904	
375	9	2558102050058	TC.NNK.K25.5	Lương Anh Tú	Nam	05/5/2010	Tày	Bê 4	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210006867	
376	10	2558102050061	TC.NNK.K25.5	Bản Triệu Vy	Nữ	14/7/2010	Dao	Khởi Khe	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310003592	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.5.CLC: 8 Học sinh													
377	1	2558102050003	TC.NNK.K25.5.CLC	Hầu Thị Chi	Nữ	18/7/2010	Hmông	TDP Sa Pa 4	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010310007728	
378	2	2558102050006	TC.NNK.K25.5.CLC	Lò Thị Ngọc Hà	Nữ	02/9/2010	Hmông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310002294	
379	3	2558102050007	TC.NNK.K25.5.CLC	Lù Thị Ngọc Khuyến	Nữ	31/10/2010	Giáy	Tòng Mòn	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310006708	
380	4	2558102050011	TC.NNK.K25.5.CLC	Tráng Thị Mai	Nữ	28/9/2010	Phù lá	Bản Già	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010310004031	
381	5	2558102050019	TC.NNK.K25.5.CLC	Lò Thị Phích	Nữ	05/5/2010	Thái	Noong Hèo 2	Pu Sam Cáp	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012310005619	
382	6	2558102050021	TC.NNK.K25.5.CLC	Tráng Thị Sông	Nữ	12/10/2010	Hmông	Nà Nheo	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010310008078	
383	7	2558102050023	TC.NNK.K25.5.CLC	Trần Ngọc Trâm	Nữ	13/02/2008	Giáy	Chu Cang Hò	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	012308005403	
384	8	2558102050049	TC.NNK.K25.5.CLC	Giàng Ngọc Sơn	Nam	26/6/2010	Hmông	Séo mý tỷ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210000041	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.7A: 22 Học sinh													

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
385	1	2558102050070	TC.NNK.K25.7A	Sùng Thị A	Nữ	26/8/2009	Hmông	Ý Linh Hồ 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309008276	
386	2	2558102050071	TC.NNK.K25.7A	Lý Thúy Bâu	Nữ	24/7/2010	Hmông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010310009231	
387	3	2558102050072	TC.NNK.K25.7A	Vàng Văn Câu	Nam	01/6/2010	Hmông	Lao Chải San 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210001652	
388	4	2558102050073	TC.NNK.K25.7A	Vàng A Châu	Nam	26/02/2010	Mông	Lao Chải San 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210002077	
389	5	2558102050081	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Vạn Đông	Nam	14/12/2010	Hmông	Lồ Lao Chải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210005951	
390	6	2558102050082	TC.NNK.K25.7A	Hạng Thị Dung	Nữ	18/7/2010	Hmông	TDP Hàm Rồng 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010310003654	
391	7	2558102050084	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Hà	Nam	15/01/2010	Mông	TDP Cầu Mây 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210004470	
392	8	2558102050085	TC.NNK.K25.7A	Lý A Hà	Nam	21/8/2010	Mông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210004177	
393	9	2558102050086	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Hải	Nam	03/6/2010	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009935	
394	10	2558102050087	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Hạnh	Nam	24/3/2010	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009943	
395	11	2558102050090	TC.NNK.K25.7A	Giàng Việt Long	Nam	09/9/2009	Mông	Lao Chải San 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209005765	
396	12	2558102050091	TC.NNK.K25.7A	Thào A Lữ	Nam	28/6/2010	Hmông	TDP Sa Pa 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210004338	
397	13	2558102050092	TC.NNK.K25.7A	Hạng A Minh	Nam	01/12/2010	Hmông	TDP Ô Quý Hồ 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210000437	
398	14	2558102050093	TC.NNK.K25.7A	Thào A Nam	Nam	18/11/2010	Hmông	Sả Xéng	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210006449	
399	15	2558102050094	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Pao	Nam	27/8/2010	Hmông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210001705	
400	16	2558102050095	TC.NNK.K25.7A	Vàng A Sài	Nam	02/10/2010	Hmông	Hòa Sứ Pán 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210004740	
401	17	2558102050096	TC.NNK.K25.7A	Giàng A Sang	Nam	14/7/2010	Hmông	Tổ 2 Sa Pa	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210006077	
402	18	2558102050098	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Thắng	Nam	01/10/2010	Hmông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210007069	
403	19	2558102050099	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Thông	Nam	13/5/2010	Mông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210007343	
404	20	2558102050100	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Tình	Nam	27/11/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209001481	
405	21	2558102050101	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Tình	Nam	29/9/2010	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210009424	
406	22	2558102050104	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Vàng	Nam	18/9/2008	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208002962	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.7B: 12 Học sinh													
407	1	2558102050105	TC.NNK.K25.7B	Vàng Thị A	Nữ	05/10/2009	Hmông	Khâu Pùm	Mường Chiên	Sơn La	Xã khu vực III	140.000	014309011178	
408	2	2558102050107	TC.NNK.K25.7B	Má Thị Cà	Nữ	28/01/2010	Mông	Khâu Pùm	Mường Chiên	Sơn La	Xã khu vực III	140.000	014310001947	
409	3	2558102050109	TC.NNK.K25.7B	Lý A Chung	nam	11/9/2010	Hmông	TDP Cầu Mây 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210007028	
410	4	2558102050110	TC.NNK.K25.7B	Giàng A Giồng	Nam	24/3/2010	Hmông	Chu Lìn 1	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210008918	
411	5	2558102050112	TC.NNK.K25.7B	Châu A Hòa	Nam	27/4/2009	Hmông	Chu Lìn 2	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209002121	
412	6	2558102050113	TC.NNK.K25.7B	Lồ A Khu	Nam	08/3/2010	Hmông	TDP Sa Pa 4	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210005768	
413	7	2558102050117	TC.NNK.K25.7B	Má Thị Ly	Nữ	10/3/2008	Mông	Khâu Pùm	Mường Chiên	Sơn La	Xã khu vực III	140.000	014308001921	
414	8	2558102050120	TC.NNK.K25.7B	Hạng A Páo	Nam	11/02/2010	Hmông	TDP Hàm Rồng 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210000094	
415	9	2558102050121	TC.NNK.K25.7B	Giàng A Pe	Nam	11/8/2010	Hmông	Bản Pho	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210007785	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
416	10	2558102050123	TC.NNK.K25.7B	Lò A Phong	Nam	12/3/2010	Mông	Lò	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	011210007466	
417	11	2558102050126	TC.NNK.K25.7B	Lý A Sáu	Nam	03/10/2010	Hmông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210006885	
418	12	2558102050133	TC.NNK.K25.7B	Thào Thị Xáy	Nữ	24/10/2009	Mông	TDP Sa Pa 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309009399	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K23.CLC: 2 Sinh viên													
419	1	2365202270016	CĐ.ĐCN.K23.CLC	Nguyễn Duy Phương	Nam	02/9/2005	Tày	Pác Mạc	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205007760	
420	2	2365202270022	CĐ.ĐCN.K23.CLC	Vừ Trung Thành	Nam	02/9/2005	HMông	Phìn Láo	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205008391	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24.CLC: 3 Sinh viên													
421	1	2465202270001	CĐ.ĐCN.K24.CLC	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	14/02/2006	Tày	Chiềng 1+2	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206000488	
422	2	2465202270013	CĐ.ĐCN.K24.CLC	Đoàn Văn Quyền	Nam	17/10/2005	Tày	Thôn 12	Khánh Hòa	Lào Cai	thôn ĐBK	140.000	015205003939	
423	3	2465202270014	CĐ.ĐCN.K24.CLC	Bản Văn Quyền	Nam	17/3/2006	Dao	Mỏ Đá	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007469	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24A: 11 Sinh viên													
424	1	2465202270023	CĐ.ĐCN.K24A	Hoàng Việt Anh	Nam	15/01/2006	Tày	Thôn 3-Minh Hạ	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206001444	
425	2	2465202270030	CĐ.ĐCN.K24A	Phạm Hải Đăng	Nam	30/3/2006	Tày	Loac	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206004124	
426	3	2465202270031	CĐ.ĐCN.K24A	Phìn Văn Định	Nam	05/11/2005	Giáy	Bản Bó	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012205000857	
427	4	2465202270038	CĐ.ĐCN.K24A	Hoàng Gia Hoàng	Nam	05/10/2006	Tày	Bát 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206008952	
428	5	2465202270040	CĐ.ĐCN.K24A	Giang Quốc Huy	Nam	01/8/2006	Giáy	Lập Thành	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBK	140.000	010206007087	
429	6	2465202270044	CĐ.ĐCN.K24A	Lục Văn Khuyên	Nam	02/11/2006	Tày	Thôn 1 Minh Chiềng	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206002887	
430	7	2465202270045	CĐ.ĐCN.K24A	Lục Văn Kiên	Nam	10/10/2002	Tày	Thôn 1 Minh Chiềng	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010202003607	
431	8	2465202270046	CĐ.ĐCN.K24A	Hoàng Trung Lành	Nam	22/6/2006	Tày	Làng Chút	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBK	140.000	010206003685	
432	9	2465202270047	CĐ.ĐCN.K24A	Lịnh Ái Lữ	Nam	22/11/2006	Tày	Chiềng 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007289	
433	10	2465202270048	CĐ.ĐCN.K24A	Lê Duy Mạnh	Nam	14/10/2006	Tày	Loac	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206003139	
434	11	2465202270051	CĐ.ĐCN.K24A	Giang Quốc Tấn	Nam	07/11/2006	Giáy	Lập Thành	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBK	140.000	010206009045	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24B: 6 Sinh viên													
435	1	2465202270054	CĐ.ĐCN.K24B	Sin Seo Bằng	Nam	14/6/2006	Nùng	Lũng Khẩu Nhìn	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206003851	
436	2	2465202270067	CĐ.ĐCN.K24B	Lò Văn Phúc	Nam	03/12/1996	Thái	Nà Ngò	Nậm Sỏ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012096006361	
437	3	2465202270068	CĐ.ĐCN.K24B	La Ngọc Quân	Nam	08/12/2006	Thái	Bản Khoay	Dương Quý	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206002980	
438	4	2465202270072	CĐ.ĐCN.K24B	Phản Văn Quý	Nam	11/4/2006	Dao	Vĩ Kẽm	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206008383	
439	5	2465202270077	CĐ.ĐCN.K24B	Triệu Đức Tài	Nam	10/4/2006	Dao	Đầu Nhuan	Tằng Loong	Lào Cai	thôn ĐBK	140.000	010206000687	
440	6	2465202270081	CĐ.ĐCN.K24B	Vàng A Thái	Nam	10/10/2006	Mông	Tập Lãng	Văn Chấn	Lào Cai	thôn ĐBK	140.000	015206007596	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24C: 9 Sinh viên													
441	1	2465202270089	CĐ.ĐCN.K24C	Cổ Hữu Đàm	Nam	30/8/2006	Tày	Bản Rịa	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206001447	
442	2	2465202270094	CĐ.ĐCN.K24C	Hoàng Quang Huy	Nam	20/12/2005	Tày	Làng Nôm	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBK	140.000	010205008619	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
443	3	2465202270098	CĐ.ĐCN.K24C	Hoàng Quốc Lương	Nam	04/12/2006	Tày	Thôn Lú	Bảo Hà	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010206006537	
444	4	2465202270099	CĐ.ĐCN.K24C	Lương Duy Nguyễn	Nam	13/11/2006	Tày	Chiềng 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206003627	
445	5	2465202270100	CĐ.ĐCN.K24C	Hoàng Văn Phan	Nam	14/4/2006	Giáy	Thị	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	0	
446	6	2465202270109	CĐ.ĐCN.K24C	La Đức Trung	Nam	24/8/2006	Tày	Làng Nôm	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010206008034	
447	7	2465202270113	CĐ.ĐCN.K24C	Lự Văn Ủy	Nam	18/01/2006	Tày	Ngầu 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206005810	
448	8	2465202270114	CĐ.ĐCN.K24C	Lò Văn Xuân	Nam	08/3/2002	Thái	Nà Ui	Nậm Sỏ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012202002016	
449	9	2465202270115	CĐ.ĐCN.K24C	Bàn Hữu Xuân	Nam	12/01/2006	Dao	Bản Nhảm	Xuân Hòa	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010206008021	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25.CLC: 3 Sinh viên													
450	1	2565202270003	CĐ.ĐCN.K25.CLC	Lương Đức Chính	Nam	17/4/2007	Tày	Bản Mạ	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207008230	
451	2	2565202270016	CĐ.ĐCN.K25.CLC	Sầm Nhật Huy	Nam	18/10/2006	Tày	Thôn 3 Minh Thượng	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206001388	
452	3	2565202270030	CĐ.ĐCN.K25.CLC	Giàng Seo Xía	Nam	04/9/2005	Mông	Tăng Pậu	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205006879	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25A: 15 Sinh viên													
453	1	2565202270036	CĐ.ĐCN.K25A	Hoàng Quốc Chung	Nam	13/6/2005	Tày	6 AB	Bảo Hà	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010205005935	
454	2	2565202270044	CĐ.ĐCN.K25A	Trương Văn Hải	Nam	19/12/2007	Dao	Nậm Hu	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003726	
455	3	2565202270045	CĐ.ĐCN.K25A	Lừ Văn Hạnh	Nam	24/01/2007	Thái	Pa Khóa	Pu Sam Cáp	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012207000385	
456	4	2565202270046	CĐ.ĐCN.K25A	Mùa A Hạnh	Nam	25/4/2006	HMông	San Thành	Tân Phong	Lai Châu	Mồ côi	100.000	012206004167	
457	5	2565202270047	CĐ.ĐCN.K25A	Vàng Văn Hiền	Nam	02/02/2007	Tày	Hoàng Liên	Bản Hồ	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207007157	
458	6	2565202270049	CĐ.ĐCN.K25A	Bàn Duy Hiếu	Nam	08/10/2007	Dao	Ba Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207004029	
459	7	2565202270051	CĐ.ĐCN.K25A	Đồng Minh Khánh	Nam	08/12/2007	Thái	Nậm Cung	Phong Thổ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012207006490	
460	8	2565202270060	CĐ.ĐCN.K25A	Hoàng Long Nhật	Nam	28/11/2007	Tày	Bát 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002459	
461	9	2565202270061	CĐ.ĐCN.K25A	Lò Thế Quân	Nam	09/8/2004	Dao	Tả Ngảo	Bát Xát	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010204001016	
462	10	2565202270063	CĐ.ĐCN.K25A	Lù Đức Quyền	Nam	01/7/2006	Nùng	Sín Lùng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206006834	
463	11	2565202270064	CĐ.ĐCN.K25A	Chảo Láo San	Nam	16/02/2007	Dao	Xéo Tả 1	Hợp Thành	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207008884	
464	12	2565202270066	CĐ.ĐCN.K25A	Lý Trọng Tấn	Nam	30/7/2007	Tày	Nậm Bó	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207001852	
465	13	2565202270069	CĐ.ĐCN.K25A	Hoàng Đức Thiện	Nam	04/12/2007	Tày	Vinh 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207004814	
466	14	2565202270076	CĐ.ĐCN.K25A	Sùng Khải Tuấn	Nam	11/12/2007	HMông	Lò Cổ Chín	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207000893	
467	15	2565202270078	CĐ.ĐCN.K25A	Đặng Tiến Xương	Nam	29/10/2006	Dao	Làng Cù	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206001317	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25B: 11 Sinh viên													
468	1	2565202270171	CĐ.ĐCN.K25B	Tàng Văn Học	Nam	22/9/2008	Giáy	Nậm Bon 1	Mường Khoa	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012208002809	
469	2	2565202270186	CĐ.ĐCN.K25B	Đinh Văn Than	Nam	04/6/2004	Thái	Bản Kéo	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012204000302	
470	3	2565202270188	CĐ.ĐCN.K25B	Hoàng Văn Thọ	Nam	07/8/2007	Tày	Khuổi Ca	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008261	
471	4	2565202270199	CĐ.ĐCN.K25B	Lò Văn Kiên	Nam	26/05/2008	Khơ Mú	Hồ Ta	Mường Khoa	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012208006126	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
472	5	2565202270007	CĐ.ĐCN.K25B	Hoa Anh Đức	Nam	04/9/2006	Giáy	Bản Thăm	Dương Quỳ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007808	
473	6	2565202270085	CĐ.ĐCN.K25B	Vàng A Cầu	Nam	17/02/2004	Tày	Đội 4	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010204000329	
474	7	2565202270089	CĐ.ĐCN.K25B	Ly Seo Dế	Nam	14/11/2007	Mông	Sừ Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008975	
475	8	2565202270115	CĐ.ĐCN.K25B	Giang Minh Quang	Nam	01/5/2003	Giáy	Lập Thành	Văn Bản	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010203008552	
476	9	2565202270117	CĐ.ĐCN.K25B	Lự Phúc Quý	Nam	10/3/2007	Tày	Ngầu 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207001966	
477	10	2565202270118	CĐ.ĐCN.K25B	Tráng A Thắng	Nam	12/12/2008	Mông	Khe Vai	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208008583	
478	11	2565202270121	CĐ.ĐCN.K25B	Phạm Văn Tùng	Nam	09/9/2006	Tày	Là 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007577	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25C: 9 Sinh viên													
479	1	2565202270126	CĐ.ĐCN.K25C	La Hải Anh	Nam	29/8/2006	Tày	Ken 1	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206008075	
480	2	2565202270134	CĐ.ĐCN.K25C	Sầm Quang Hà	Nam	14/01/2007	Tày	1 Minh Thượng	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207009114	
481	3	2565202270145	CĐ.ĐCN.K25C	La Thành Long	Nam	14/6/2007	Tày	Ken 1	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207006921	
482	4	2565202270148	CĐ.ĐCN.K25C	Vàng Văn Phúc	Nam	19/4/2004	Thái	Bản Mẩn 1	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012204002903	
483	5	2565202270149	CĐ.ĐCN.K25C	La Văn Quang	Nam	07/01/2007	Tày	Ken 2	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207007406	
484	6	2565202270150	CĐ.ĐCN.K25C	La Văn Quang	Nam	29/7/2005	Tày	Én 1	Khánh Yên	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010205010301	
485	7	2565202270152	CĐ.ĐCN.K25C	Sùng A Thái	Nam	17/8/2006	HMông	Huổi Đanh	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206000525	
486	8	2565202270153	CĐ.ĐCN.K25C	Vương Đình Thái	Nam	22/6/2007	Tày	Ken 1	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207005009	
487	9	2565202270169	CĐ.ĐCN.K25C	Vàng A Vương	Nam	23/11/2007	HMông	Pờ Xi Ngải	Nậm Chày	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003010	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K24A: 5 Sinh viên													
488	1	2465202050002	CĐ.KML.K24A	Lương Thanh Hải	Nam	19/11/2006	Tày	Noong Khuẩn	Khánh Yên	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010206002930	
489	2	2465202050009	CĐ.KML.K24A	Phùng Kim Ngọc	Nam	26/12/2002	Dao	Thôn 2 Túc	Phúc Lợi	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	015202008527	
490	3	2465202050011	CĐ.KML.K24A	Tần Minh Phát	Nam	18/9/2006	Dao	Nậm Chón	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206002728	
491	4	2465202050014	CĐ.KML.K24A	Hoàng Tiến Quân	Nam	28/8/2006	Dao	Nà Phát	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007511	
492	5	2465202050017	CĐ.KML.K24A	Đặng Quang Tuyên	Nam	21/01/2006	Dao	Bản Lự	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206005757	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K24B: 9 Sinh viên													
493	1	2465202050018	CĐ.KML.K24B	La Việt Anh	Nam	28/7/2005	Tày	Cọn 1	Bảo Hà	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010205005216	
494	2	2465202050020	CĐ.KML.K24B	Chu Nhật Bằng	Nam	19/7/2006	Tày	Trung Đô	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206000550	
495	3	2465202050027	CĐ.KML.K24B	Nguyễn Mạnh Hiệp	Nam	08/8/2006	Tày	Khuổi Vèng	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007515	
496	4	2465202050035	CĐ.KML.K24B	Sẻ Văn Lai	Nam	14/01/2003	Giáy	Nà Bỏ	Tân Phong	Lai Châu	thôn ĐBKK	140.000	012203001413	
497	5	2465202050036	CĐ.KML.K24B	Hoàng Xuân Mẫu	Nam	19/12/2006	Tày	Chiềng 5	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206001308	
498	6	2465202050039	CĐ.KML.K24B	Bản Tồn Nhi	Nam	04/8/2006	Dao	Nà Hăm	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206004874	
499	7	2465202050040	CĐ.KML.K24B	Lự Văn Nhuận	Nam	13/5/2004	Tày	Chiềng 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010204009236	
500	8	2465202050044	CĐ.KML.K24B	Vương Văn Trường	Nam	25/4/2006	Tày	Ken 2	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007501	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
501	9	2465202050045	CĐ.KML.K24B	Lương Xuân Trường	Nam	14/6/2006	Tày	Lủ 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206006892	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K25A: 10 Sinh viên													
502	1	2565202050006	CĐ.KML.K25A	Vàng A Dua	Nam	15/5/2006	H'Mông	Pho Xin Chải	Tả Lèng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206001652	
503	2	2565202050013	CĐ.KML.K25A	Phan Xuân Khải	Nam	06/9/2007	Giáy	Bản Mạ	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207007004	
504	3	2565202050015	CĐ.KML.K25A	Hoàng Nhật Lâm	Nam	04/5/2007	Tày	Mũng	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207008197	
505	4	2565202050016	CĐ.KML.K25A	Hoàng Vi Lâm	Nam	13/10/2007	Dáy	Cùm Hạ 1	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207000644	
506	5	2565202050017	CĐ.KML.K25A	Vi Hoàng Long	Nam	31/10/2007	Dáy	Cùm Hạ 1	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207007273	
507	6	2565202050019	CĐ.KML.K25A	Vàng Thê Mạnh	Nam	29/10/2007	H'Mông	Nhiều Lũng	Bắc Hà	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207003962	
508	7	2565202050020	CĐ.KML.K25A	Hầu Seo Minh	Nam	22/6/2004	Mông	Bản Kẹm	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010204008334	
509	8	2565202050025	CĐ.KML.K25A	Nguyễn Hồng Quân	Nam	09/9/2007	Tày	Khởi Ai	Khánh Yên	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207003784	
510	9	2565202050030	CĐ.KML.K25A	Nguyễn Xuân Thái	Nam	12/4/2007	Tày	Nà Khương	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207007166	
511	10	2565202050031	CĐ.KML.K25A	Tần Thanh Tiến	Nam	25/9/2007	Dao	Dền Sáng	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207006747	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K25B: 6 Sinh viên													
512	1	2565202050036	CĐ.KML.K25B	Ngải Xuân Chính	Nam	19/12/2007	Mông	Phổ Mới	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207003085	
513	2	2565202050037	CĐ.KML.K25B	Lự Minh Chuân	Nam	18/8/2007	Tày	Lủ 4	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207006049	
514	3	2565202050045	CĐ.KML.K25B	Dương Đức Hùng	Nam	11/01/2007	Mông	Bông 3	Bảo Hà	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207009130	
515	4	2565202050046	CĐ.KML.K25B	Hoàng Việt Hùng	Nam	10/12/2007	Tày	Lủ 2	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207006480	
516	5	2565202050048	CĐ.KML.K25B	Lương Việt Hưng	Nam	21/10/2007	Tày	Thôn 1 Minh Chiềng	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207007353	
517	6	2565202050052	CĐ.KML.K25B	Lý Phương Nam	Nam	23/02/2007	Tày	Thôn Trĩ Ngoài	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207005263	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24A: 13 Sinh viên													
518	1	2465202460001	CĐ.VTĐ.K24A	Hà Chu Việt Anh	Nam	07/6/2006	Tày	Bản Mạ	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010206005292	
519	2	2465202460002	CĐ.VTĐ.K24A	Tần Xuân Bắc	Nam	05/10/2006	Dao	Ná Lũng	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007063	
520	3	2465202460003	CĐ.VTĐ.K24A	Sầm Hải Bình	Nam	29/11/2005	Dao	Làng Qùy	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010205006409	
521	4	2465202460010	CĐ.VTĐ.K24A	Làng Văn Diện	Nam	01/02/2006	Giáy	Ná Án	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206006415	
522	5	2465202460011	CĐ.VTĐ.K24A	Hoàng Văn Dìn	Nam	18/4/2006	Tày	Nà Pồng	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206004345	
523	6	2465202460017	CĐ.VTĐ.K24A	Hoàng Mạnh Đoan	Nam	22/10/2006	Tày	Bản Mạ	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010206007257	
524	7	2465202460018	CĐ.VTĐ.K24A	Giàng Trung Đông	Nam	28/6/2006	Mông	Khu Chu Tùng	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206004027	
525	8	2465202460028	CĐ.VTĐ.K24A	Hà Duy Hưng	Nam	19/4/2006	Tày	Giàng	Văn Bàn	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010206007597	
526	9	2465202460029	CĐ.VTĐ.K24A	Chim Văn Hững	Nam	29/8/2006	Thái	Bản Bum	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206003459	
527	10	2465202460030	CĐ.VTĐ.K24A	Vương Quang Huy	Nam	27/4/2006	Tày	Chiềng 3	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206006799	
528	11	2465202460031	CĐ.VTĐ.K24A	Hoàng Quốc Huy	Nam	23/4/2006	Tày	Khuổi Vèng	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206002743	
529	12	2465202460033	CĐ.VTĐ.K24A	Vừ A Khua	Nam	01/01/2004	Mông	Co Hăm	Mường Ảng	Điện Biên	Xã khu vực III	140.000	011204003686	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
530	13	2465202460034	CĐ.VTĐ.K24A	Lò Văn Quý	Nam	08/5/2003	Thái	Nậm Hải	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012203000566	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24B: 6 Sinh viên													
531	1	2465202460038	CĐ.VTĐ.K24B	Vàng Quốc Huy	Nam	08/6/2006	Dao	Làng Quỳ	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206001354	
532	2	2465202460041	CĐ.VTĐ.K24B	Lò Văn Lộc	Nam	19/12/2006	Thái	Nậm Nhùn	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206001082	
533	3	2465202460059	CĐ.VTĐ.K24B	Hoàng Mạnh Thắng	Nam	31/7/2001	Tày	Bản Coóc	Văn Bản	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010201006493	
534	4	2465202460060	CĐ.VTĐ.K24B	Đào Văn Thiêm	Nam	01/9/2006	Thái	Hưa Bum	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206000641	
535	5	2465202460061	CĐ.VTĐ.K24B	Lù Văn Thọ	Nam	15/02/2004	Giáy	Bản Mầu	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012204004428	
536	6	2465202460062	CĐ.VTĐ.K24B	Nguyễn Xuân Thu	Nam	15/7/2006	Thái	Phiêng Ban	Lê Lợi	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206000577	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24C: 15 Sinh viên													
537	1	2465202460069	CĐ.VTĐ.K24C	Sùng Quảng Bình	Nam	05/01/2006	Mông	Sín Chéng	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206009955	
538	2	2465202460072	CĐ.VTĐ.K24C	La Ngọc Khuyên	Nam	06/7/2006	Tày	Mĩnh Hạ 2	Mĩnh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206001400	
539	3	2465202460073	CĐ.VTĐ.K24C	Cử A Kỳ	Nam	03/01/2006	Mông	Sản Phàng Thấp	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206000958	
540	4	2465202460076	CĐ.VTĐ.K24C	La Đình Lập	Nam	20/9/2006	Giáy	Bản Mạ	Văn Bản	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010206004349	
541	5	2465202460078	CĐ.VTĐ.K24C	Hoàng Văn Long	Nam	10/5/2006	Thái	Tà Mung	Mường Kim	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206004026	
542	6	2465202460080	CĐ.VTĐ.K24C	Điều Chính Long	Nam	04/5/2003	Thái	Pa Kéo	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012203000523	
543	7	2465202460082	CĐ.VTĐ.K24C	Triệu Nguyên Minh	Nam	20/5/2006	Dao	Phiêng Đổng	Mĩnh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206003784	
544	8	2465202460083	CĐ.VTĐ.K24C	Lò Văn Nguyên	Nam	08/5/2006	Thái	Bản On	Khoen On	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206006356	
545	9	2465202460084	CĐ.VTĐ.K24C	Bản Tiến Phúc	Nam	29/4/2006	Dao	Nậm Van	Mĩnh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206008556	
546	10	2465202460088	CĐ.VTĐ.K24C	Giàng A Sính	Nam	15/02/2006	Hmông	Nhiều Cù San	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206010931	
547	11	2465202460089	CĐ.VTĐ.K24C	Mào Văn Thanh	Nam	03/4/2006	Thái	Bản Chợ	Lê Lợi	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206000588	
548	12	2465202460093	CĐ.VTĐ.K24C	Hoàng Văn Thủy	Nam	13/8/2005	Thái	Bản Mùi 2	Khoen On	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012205004810	
549	13	2465202460095	CĐ.VTĐ.K24C	Lục Minh Tuấn	Nam	23/01/2006	Giáy	Bản Thảm	Dương Quỳ	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206007613	
550	14	2465202460098	CĐ.VTĐ.K24C	Giàng A Viện	Nam	09/5/2006	Hmông	Tân Giang	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206009456	
551	15	2465202460100	CĐ.VTĐ.K24C	Lù Đức Việt	Nam	07/10/2003	Thái	Nậm Dồn	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012203000521	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K25A: 11 Sinh viên													
552	1	2565202460002	CĐ.VTĐ.K25A	Giàng A Bình	Nam	10/3/2007	Mông	Ngài Thầu Thấp	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012207000153	
553	2	2565202460007	CĐ.VTĐ.K25A	Vàng Quốc Chung	Nam	13/8/2004	Mông	Tu Hạ	Nậm Xé	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010204000752	
554	3	2565202460015	CĐ.VTĐ.K25A	Lò Văn Duy	Nam	03/8/2007	Thái	Hua Ná	Pu Sam Cáp	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012207005333	
555	4	2565202460021	CĐ.VTĐ.K25A	Trương Gia Huy	Nam	13/10/2008	Dao	Nậm Kha 2	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208008860	
556	5	2565202460026	CĐ.VTĐ.K25A	Sùng A Mềnh	Nam	08/11/2006	Mông	Bản Chàng Phàng	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206003799	
557	6	2565202460031	CĐ.VTĐ.K25A	Lý Đình Phong	Nam	06/6/2007	Dao	Bản Mười	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002909	
558	7	2565202460034	CĐ.VTĐ.K25A	Hoàng Tà Sơn	Nam	17/5/2004	Dao	Làng Quỳ	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010204000929	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
559	8	2565202460035	CĐ.VTĐ.K25A	Giàng Quốc Tài	Nam	11/8/2008	Dao	Nậm Kha 1	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208006532	
560	9	2565202460039	CĐ.VTĐ.K25A	Thào Seo Trai	Nam	13/6/2007	Hmông	Nậm Chằm	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207009067	
561	10	2565202460041	CĐ.VTĐ.K25A	Lý Quốc Trung	Nam	17/5/2007	Mông	Tu Hạ	Nậm Xé	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207006359	
562	11	2565202460042	CĐ.VTĐ.K25A	Lý Phi Tư	Nam	05/6/2001	Hà Nhì	Má Ký	Mù Cả	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012201007343	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K25B: 14 Sinh viên													
563	1	2565202460048	CĐ.VTĐ.K25B	Bàn Văn Đức	Nam	25/5/2003	Dao	Bản 2 Vải Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010203006283	
564	2	2565202460049	CĐ.VTĐ.K25B	Lò Văn Đức	nam	20/01/2007	Thái	Noong Om	Pu Sam Cáp	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012207000456	
565	3	2565202460051	CĐ.VTĐ.K25B	Hoàng Vũ Duy	Nam	07/5/2007	Giáy	Lập Thành	Văn Bản	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207001956	
566	4	2565202460059	CĐ.VTĐ.K25B	Cà Văn Hữu	Nam	01/6/2003	Thái	Nậm Cầy	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012203000522	
567	5	2565202460062	CĐ.VTĐ.K25B	Phà Quốc Khánh	Nam	01/8/2007	HMông	Giàng Dứa Chải	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207005998	
568	6	2565202460063	CĐ.VTĐ.K25B	Lò Văn Khoa	Nam	19/7/2007	Thái	Ná Đon	Pu Sam Cáp	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012207006705	
569	7	2565202460069	CĐ.VTĐ.K25B	Vừ Văn Minh	Nam	26/5/2007	HMông	Seo Khái Hóa	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002365	
570	8	2565202460071	CĐ.VTĐ.K25B	Hầu A Nủ	Nam	03/7/2007	Mông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207002008	
571	9	2565202460073	CĐ.VTĐ.K25B	Vàng Văn Phong	Nam	29/12/2007	Thái	Pa Tàn 1	Pa Tàn	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012207006568	
572	10	2565202460074	CĐ.VTĐ.K25B	Nguyễn Minh Quân	Nam	05/10/2007	Tày	Nậm Bó	Văn Bản	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207008015	
573	11	2565202460076	CĐ.VTĐ.K25B	Vàng A Quyền	Nam	25/02/2006	HMông	Tu Hạ	Nậm Xé	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010206009551	
574	12	2565202460079	CĐ.VTĐ.K25B	Vương Ngọc Sơn	Nam	31/10/2007	Tày	Bẻ 3	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207004347	
575	13	2565202460085	CĐ.VTĐ.K25B	Giàng A Trình	Nam	20/10/1998	HMông	Giàng Dứa Chải	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010098005049	
576	14	2565202460088	CĐ.VTĐ.K25B	Giàng A Vũ	Nam	20/01/2007	Mông	Mù Trắng Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207007397	
	Lớp Trung cấp Điện công nghiệp K24.5: 4 Học sinh													
577	1	2455202270004	TC.ĐCN.K24.5	Ly Seo Chúng	Nam	01/6/2008	Hmông	Lũng Pô	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208001667	
578	2	2455202270016	TC.ĐCN.K24.5	Sê Công Huy	Nam	17/10/2008	Giáy	Bản Trung	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010208003391	
579	3	2455202270018	TC.ĐCN.K24.5	Triệu Văn Khách	Nam	25/8/2009	Dao	Ít Nộc	Văn Bản	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010209003034	
580	4	2455202270024	TC.ĐCN.K24.5	Vàng Văn Thái	Nam	08/9/2006	Thái	Bản Bum (Nà Hẻ)	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	122060008177	
	Lớp Trung cấp Điện công nghiệp K25.5: 2 Học sinh													
581	1	2555202270020	TC.ĐCN.K25.5	Mạ Gia Huy	Nam	16/3/2010	Xa phó	Khe Chấn 1	Văn Bản	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010210004299	
582	2	2555202270012	TC.ĐCN.K25.5	Lý Láo Tả	Nam	11/01/2010	Dao	Tung Qua	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210004613	
	Lớp Trung cấp Điện dân dụng K25.5: 3 Học sinh													
583	1	2555202260009	TC.ĐDD.K25.5	Hảng Tiên Phong	Nam	27/7/2010	Mông	Na Lốc 4	Bản Lầu	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010210006522	
584	2	2555202260013	TC.ĐDD.K25.5	Lý Đình Thiên	Nam	01/5/2010	Dao	Thảm Phúc	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210007482	
585	3	2555202260004	TC.ĐDD.K25.5	Thào Văn Dũ	Nam	27/5/2010	Mông	Na Lốc 1	Bản Lầu	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010210004594	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp K24.1A: 3 Học sinh													

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
586	1	2455202010011	TC.KCN.K24.1A	Bản Minh Hải	Nam	03/4/2009	Dao	Cam 3	Bảo Hà	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010209009880	
587	2	2455202010028	TC.KCN.K24.1A	Chảo Văn Tuấn	Nam	28/9/2009	Dao	Trát 2	Tằng Loỏng	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010209005048	
588	3	2455202010037	TC.KCN.K24.1A	Ngô Văn Vũ	Nam	13/12/2009	Nùng	Tòng Già	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209004697	
Lớp Trung cấp Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp K24.1B: 4 Học sinh														
589	1	2455202010039	TC.KCN.K24.1B	Đinh Hoàng Anh	Nam	05/8/2009	Tày	6 AB	Bảo Hà	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010209007648	
590	2	2455202010061	TC.KCN.K24.1B	Chảo Văn Khánh	Nam	04/11/2009	Dao	Nậm Trà	Gia Phú	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010204008875	
591	3	2455202010068	TC.KCN.K24.1B	Bản Văn Phong	Nam	26/6/2009	Dao	Khe Tắm	Bảo Thắng	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010209006969	
592	4	2455202010071	TC.KCN.K24.1B	Thào Văn Quý	Nam	15/9/2009	Mông	Khe Đền 2	Bảo Thắng	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010209004756	
Lớp Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K24.5: 4 Học sinh														
593	1	2455202050003	TC.KML.K24.5	Hoàng Trọng Hiếu	Nam	11/11/2009	Tày	Già Hạ	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010209003545	
594	2	2455202050008	TC.KML.K24.5	Đào Việt Quang	Nam	13/10/2006	Thái	Đon Lạt	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012206006312	
595	3	2455202050010	TC.KML.K24.5	Giàng A Thái	Nam	20/11/2009	Mông	Sân Bay	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	140.000	012209007455	
596	4	2455202050013	TC.KML.K24.5	Giàng Công Vinh	Nam	12/12/2007	HMông	Na Lốc 3	Bản Lầu	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010207003995	
Lớp Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K25.5: 4 Học sinh														
597	1	2555202050015	TC.KML.K25.5	Chảo Chấn Nhân	Nam	27/11/2010	Dao	Trát 2	Tằng Loỏng	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010210007858	
598	2	2555202050019	TC.KML.K25.5	Lý Ngọc Thiện	Nam	21/3/2010	Dao	Ly 1-2	Bảo Hà	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010210003123	
599	3	2555202050022	TC.KML.K25.5	Đặng Quốc Trung	Nam	18/10/2010	Dao	4 Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210008330	
600	4	2555202050025	TC.KML.K25.5	Vàng Sinh Tuấn	Nam	04/12/2010	Dao	Trát 1	Tằng Loỏng	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010210007563	
Lớp Trung cấp Vận hành nhà máy thủy điện K25.5: 3 Học sinh														
601	1	2555202460003	TC.VTĐ.K25.5	Lồ Tả Chiêu	Nam	06/10/2010	Dao	Séo Trung Hồ	Bản Hồ	Lào Cai	thôn ĐBKK	140.000	010210006281	
602	2	2555202460004	TC.VTĐ.K25.5	Phà A Đay	Nam	08/6/2010	Hmông	Ma Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010210002556	
603	3	2555202460019	TC.VTĐ.K25.5	Phà Thị Xía	Nữ	20/3/2009	Hmông	Giàng Dứa Chải	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010309008563	
Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K23: 4 Sinh viên														
604	1	2367202010088	CĐ.ĐDU.K23	La Thị Tuyết	Nữ	25/01/2004	Thái	Bản Ngoang	Dương Quỳ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010304007261	
605	2	2367203010102	CĐ.ĐDU.K23	Phùng Ông Cẩu	Nam	01/3/2002	Dao	Nậm Cọ	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010202000854	
606	3	2367203010117	CĐ.ĐDU.K23	Chảo Tả Mây	Nữ	04/7/2005	Dao	Nậm Cùm	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	100305001290	
607	4	2367203010119	CĐ.ĐDU.K23	Nông Thị Nguyên	Nữ	06/8/1995	Tày	Nà Lay	Lâm Thượng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	015195008827	
Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24C: 5 Sinh viên														
608	1	2467203010105	CĐ.ĐDU.K24C	Ma Đức Quảng	Nam	03/11/2006	Tày	Khuổi Vèng	Nghĩa Đô	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206008744	
609	2	2467203010112	CĐ.ĐDU.K24C	Triệu Thị Thu	Nữ	24/9/2006	Dao	Sài 2	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010306005897	
610	3	2467203010116	CĐ.ĐDU.K24C	Lù Văn Thủy	Nam	13/10/2006	Nùng	Na Ân	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206008152	
611	4	2467203010123	CĐ.ĐDU.K24C	Giàng Văn	Nam	05/12/2006	Mông	Bãi Bằng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206003730	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
612	5	2467203010124	CĐ.ĐDU.K24C	Giàng Thị Vắng	Nữ	27/10/2006	Mông	Cầu Pì Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306001423	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24D: 14 Sinh viên													
613	1	2467203010127	CĐ.ĐDU.K24D	Chào Triệu Bảo	Nam	12/12/2006	Tày	Sản Chung	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206003902	
614	2	2467203010131	CĐ.ĐDU.K24D	Trần Thị Ngọc Hằng	Nữ	23/9/2005	Kinh	Thôn 25	Hải Tiến	Ninh Bình	Hộ cận nghèo	100.000	036305005462	
615	3	2467203010132	CĐ.ĐDU.K24D	Hoàng Thị Thu Hằng	Nữ	16/7/2006	Tày	Làng 2	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306001112	
616	4	2467203010133	CĐ.ĐDU.K24D	Hoàng Thị Thanh Hằng	Nữ	06/6/2006	Tày	Là 3	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306004690	
617	5	2467203010135	CĐ.ĐDU.K24D	Phạm Thị Huệ	Nữ	23/11/2006	Tày	Là 2	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306003714	
618	6	2467203010138	CĐ.ĐDU.K24D	Lương Thị Nhật Lệ	Nữ	07/12/2006	Tày	Chiềng 1	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306006538	
619	7	2467203010144	CĐ.ĐDU.K24D	Vàng Thị Mai	Nữ	03/7/2006	Mông	Sản Pàn	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306009340	
620	8	2467203010149	CĐ.ĐDU.K24D	Vàng Thị Kim Ngân	Nữ	08/9/2006	Nùng	Nhiều Lũng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306006584	
621	9	2467203010150	CĐ.ĐDU.K24D	Vàng Hồng Ngọc	Nam	17/10/2006	Mông	Na Bù - Hám Rông	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206001063	
622	10	2467203010153	CĐ.ĐDU.K24D	Hoàng Thị Lan Nhung	Nữ	06/12/2006	Tày	Bè 4	Chiềng Ken	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306009275	
623	11	2467203010158	CĐ.ĐDU.K24D	Đào Thị Phụng	Nữ	13/11/2004	Tày	Bản Mũng	Xuân Hòa	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010304004660	
624	12	2467203010163	CĐ.ĐDU.K24D	Chào Anh Sẻnh	Nam	07/10/2006	Dao	Tà Hồ	Cốc San	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206006871	
625	13	2467203010166	CĐ.ĐDU.K24D	Cư Quyết Thắng	Nam	20/11/2006	Mông	Hoàng Trù Ván	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206001295	
626	14	2467203010169	CĐ.ĐDU.K24D	Lý Thị Thu	Nữ	05/9/2006	Dao	3 Nhai Thổ	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306005631	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24E: 10 Sinh viên													
627	1	2467203010181	CĐ.ĐDU.K24E	Đỗ Hương Giang	Nữ	11/4/2006	Tày	Bản Mũng	Xuân Hòa	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306006278	
628	2	2467203010183	CĐ.ĐDU.K24E	Pờ Thị Hà	Nữ	03/7/2006	Pa Dí	Nhân Giồng	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306000117	
629	3	2467203010184	CĐ.ĐDU.K24E	Nông Bích Hạnh	Nữ	23/10/2006	Tày	Văn Tiến	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306008417	
630	4	2467203010188	CĐ.ĐDU.K24E	Dương Hiểu Lam	Nữ	20/8/2006	Tày	2 Minh Hạ	Minh Lương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306001353	
631	5	2467203010189	CĐ.ĐDU.K24E	Tải Thị Xuân Mai	Nữ	16/11/2006	Nùng	Thôn số 2	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306003188	
632	6	2467203010193	CĐ.ĐDU.K24E	Nguyễn Ánh Ngọc	Nữ	11/3/2006	Kinh	Hùng Thắng	Gia Phú	Lào Cai	Mồ côi	100.000	010306003796	
633	7	2467203010196	CĐ.ĐDU.K24E	Bản Thị Như Quỳnh	Nữ	17/12/2006	Dao	Nậm Ván	Minh Lương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306008011	
634	8	2467203010197	CĐ.ĐDU.K24E	Sùng A Sáng	Nam	03/11/2006	HMông	Vạn Dền Sứ 1	Tả Ván	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206001153	
635	9	2467203010200	CĐ.ĐDU.K24E	Châu Việt Thắng	Nam	08/6/2006	HMông	Chu Lìn 1	Tả Phìn	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206001151	
636	10	2467203010208	CĐ.ĐDU.K24E	Nguyễn Quang Trung	Nam	19/3/2006	Nùng	Trung Tâm	Phúc Lợi	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	015206002205	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25B: 13 Sinh viên													
637	1	2567203010185	CĐ.ĐDU.K25B	Hoàng Tùng	Nam	29/7/2007	Tày	Hoàng Thu Phố	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207009603	
638	2	2567203010050	CĐ.ĐDU.K25B	Sầm Thị Hiền	Nữ	06/9/2006	Tày	Thôn 1, Minh Thượng	Minh Lương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306006274	
639	3	2567203010052	CĐ.ĐDU.K25B	Ngài Thị Linh Hương	Nữ	15/01/2007	Mông	Phố Cũ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307000320	
640	4	2567203010056	CĐ.ĐDU.K25B	Phàn Khánh Linh	Nữ	26/11/2006	Dao	Lủ Khẩu	Tả Phìn	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306003531	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
641	5	2567203010057	CĐ.ĐDU.K25B	Lùng Thị Luyến	Nữ	19/02/2007	Nùng	Nàn Vái	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307002556	
642	6	2567203010058	CĐ.ĐDU.K25B	Giàng Thị Ly	Nữ	17/9/2007	Hmông	Ngài Ma Lùng Trù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010307009133	
643	7	2567203010059	CĐ.ĐDU.K25B	Long Thị Cẩm Ly	Nữ	20/3/2007	Tày	Ngòi Quán	Cảm Nhân	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	015307005721	
644	8	2567203010065	CĐ.ĐDU.K25B	Đặng Thị Quyên	Nữ	21/10/2007	Dao	Vĩ Kẽm	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307002784	
645	9	2567203010067	CĐ.ĐDU.K25B	Vàng Thị Sơ	Nữ	27/02/2007	Mông	Ngã Ba	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307000318	
646	10	2567203010069	CĐ.ĐDU.K25B	Sùng Thị Thanh	Nữ	15/8/2007	HMông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005534	
647	11	2567203010073	CĐ.ĐDU.K25B	Chèo Thị Thủy	Nữ	06/01/2007	Dao	Séo Xiên Pho	Đoàn Kết	Lai Châu	Thôn ĐBKK	140.000	012307001876	
648	12	2567203010078	CĐ.ĐDU.K25B	La Thị Mỹ Uyên	Nữ	15/01/2006	Tày	Bè 4	Chiềng Ken	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306004413	
649	13	2567203010079	CĐ.ĐDU.K25B	Nguyễn Hồng Uyên	Nữ	22/7/2007	Tày	Khởi Mèo	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010307009267	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25C: 8 Sinh viên													
650	1	2567203010091	CĐ.ĐDU.K25C	Phạm Quỳnh Chinh	Nữ	12/12/2006	Tày	Vinh 1	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306006275	
651	2	2567203010096	CĐ.ĐDU.K25C	La Thùy Diệu	Nữ	01/11/2007	Tày	Nà Hạch	Dương Quý	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307008216	
652	3	2567203010097	CĐ.ĐDU.K25C	Giàng Seo Dín	Nam	01/12/2007	Mông	Cầu Pi Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207000571	
653	4	2567203010104	CĐ.ĐDU.K25C	Tần Thị Duyên	Nữ	02/6/2007	Dao	Ky Quan San	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307010108	
654	5	2567203010116	CĐ.ĐDU.K25C	Phản Mạnh Huy	Nam	04/02/2007	Dao	Bản Lọt	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207009054	
655	6	2567203010119	CĐ.ĐDU.K25C	Sin Thị Huyền	Nữ	06/11/2007	Giáy	Nậm Chủ	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307003928	
656	7	2567203010126	CĐ.ĐDU.K25C	Hoàng Thị Linh	Nữ	09/11/2007	Giáy	Nậm Choỏng	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307009391	
657	8	2567203010133	CĐ.ĐDU.K25C	Vùi Thị Phan	Nữ	07/9/2007	Nùng	Nậm Giá	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307001957	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25D: 12 Sinh viên													
658	1	2567203010141	CĐ.ĐDU.K25D	Bàn Thị Hoa	Nữ	25/12/2007	Dao	Nà Hầm	Minh Lương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307008971	
659	2	2567203010142	CĐ.ĐDU.K25D	Phạm Tuấn Hưng	Nam	31/3/2007	Tày	Là 2	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207005657	
660	3	2567203010143	CĐ.ĐDU.K25D	Vù Thị Xuân Lưu	Nữ	20/4/2007	HMông	Nậm Mả	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005261	
661	4	2567203010144	CĐ.ĐDU.K25D	Lương Quốc Mạnh	Nam	22/11/2007	Tày	Nậm Cắm	Nghĩa Đô	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207007379	
662	5	2567203010149	CĐ.ĐDU.K25D	Vương Quốc Ngọc	Nam	12/3/2007	Tày	Tam Đình	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010207003665	
663	6	2567203010150	CĐ.ĐDU.K25D	Hoàng Thị Minh Nguyệt	Nữ	07/10/2007	Tày	Mường Kem	Nghĩa Đô	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307006253	
664	7	2567203010155	CĐ.ĐDU.K25D	Triệu Mùi Phạm	Nữ	06/12/2007	Dao	Nậm Van	Minh Lương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005810	
665	8	2567203010160	CĐ.ĐDU.K25D	Hoàng Thị Màu Sắc	Nữ	29/10/2005	Tày	Khuổi Vèng	Nghĩa Đô	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010305001437	
666	9	2567203010164	CĐ.ĐDU.K25D	Sùng Thị Thư	Nữ	01/02/2007	Hmông	Lá Di Thàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307009119	
667	10	2567203010174	CĐ.ĐDU.K25D	Vương Thanh Trúc	Nữ	22/7/2006	Tày	Giàng	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010306008048	
668	11	2567203010178	CĐ.ĐDU.K25D	Giàng A Vang	Nam	01/01/2007	HMông	Giàng Tà Chải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	140.000	010207004304	
669	12	2567203010179	CĐ.ĐDU.K25D	Sùng Thị Vu	Nữ	10/5/2007	Mông	Thảo Hồng Dén	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307001511	
	Lớp Cao đẳng Dược K23: 8 Sinh viên													

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
670	1	2367202010054	CĐ.DUO.K23	Triệu Thị Diễm	Nữ	25/6/2005	Dao	Nà Hầm	Minh Lương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010305006342	
671	2	2367202010056	CĐ.DUO.K23	Tần Thanh Hà	Nữ	09/02/2000	Dao	Trung Chải	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010300006167	
672	3	2367202010058	CĐ.DUO.K23	Nông Văn Hải	Nữ	04/8/2004	Tày	Giăng	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010204000793	
673	4	2367202010067	CĐ.DUO.K23	Hoàng Thị Thu Liên	Nữ	12/9/2005	Dao	3 Vành	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010305009084	
674	5	2367202010072	CĐ.DUO.K23	Cư Xuân Minh	Nam	24/5/2005	Hmông	Na Lốc 1	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010205000600	
675	6	2367202010073	CĐ.DUO.K23	Lý Thùy My	Nữ	01/11/2005	Dao	Bản Lự	Xuân Hòa	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010305005544	
676	7	2367202010077	CĐ.DUO.K23	Cử Thị Phua	Nữ	08/8/2005	Mông	Lao Chải 2	Khun Há	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012305003844	
677	8	2367202010078	CĐ.DUO.K23	Chào Mế Pú	Nữ	03/02/2004	Dao	Nậm Chà	Mường Mố	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012304000262	
	Lớp Cao đẳng Dược K24A: 3 Sinh viên													
678	1	2467202010011	CĐ.DUO.K24A	Lò Thị Hiền	Nữ	21/9/2003	Lào	Ngọc Lại	Mường Khoa	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012303000333	
679	2	2467202010013	CĐ.DUO.K24A	Lục Minh Huế	Nữ	24/12/2006	Tày	Én 1	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306004669	
680	3	2467202010019	CĐ.DUO.K24A	Phan Duy Mạnh	Nam	19/5/2005	Dao	Đầm Rụng	Phúc Khánh	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010205005159	
	Lớp Cao đẳng Dược K24B: 7 Sinh viên													
681	1	2467202010036	CĐ.DUO.K24B	La Thị Thu Hồng	Nữ	07/12/2006	Tày	Tông Hốc	Dương Quỳ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306002969	
682	2	2467202010037	CĐ.DUO.K24B	Châu Xuân Hùng	Nam	17/3/2006	Hmông	Bản Giã	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206008357	
683	3	2467202010039	CĐ.DUO.K24B	Ma Thị Ké	Nữ	14/4/2006	Mông	Có Tông Bản Vàng	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010330600124	
684	4	2467202010041	CĐ.DUO.K24B	Cư Xuân Lờ	Nam	17/11/2003	Mông	Na Lốc 1	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010203001538	
685	5	2467202010042	CĐ.DUO.K24B	Giăng A Lử	Nam	15/11/2006	Mông	Sản Sín Pao	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206006828	
686	6	2467202010048	CĐ.DUO.K24B	Hoàng Thị Thu	Nữ	16/8/2004	Tày	Thôn 2 Minh Hạ	Minh Lương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010304008648	
687	7	2467202010054	CĐ.DUO.K24B	Ma Thị Hồng Vy	Nữ	08/7/2006	Tày	Nà Khương	Nghĩa Đô	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306001348	
	Lớp Cao đẳng Dược K25: 9 Sinh viên													
688	1	2567202010046	CĐ.DUO.K25	Giăng Ngọc Sơn	Nam	25/8/2006	Mông	Sản Chung	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206008703	
689	2	2567202010048	CĐ.DUO.K25	Sùng Thị Cở	Nữ	06/11/2007	Hmông	Sín Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005280	
690	3	2567202010004	CĐ.DUO.K25	Sùng A Biên	Nam	07/5/2007	Mông	Tả Phìn	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207002275	
691	4	2567202010020	CĐ.DUO.K25	Lương Hồng Ngát	Nữ	09/11/2006	Tày	Nà Cỏ	Dương Quỳ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306006839	
692	5	2567202010022	CĐ.DUO.K25	Vương Long Mai Như	Nữ	02/7/2007	Nùng	Xóm Mới	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307004162	
693	6	2567202010027	CĐ.DUO.K25	Sầm Thị Đan Phượng	Nữ	22/11/2007	Tày	Thôn 3 Minh Thượng	Minh Lương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005729	
694	7	2567202010030	CĐ.DUO.K25	Cư Thị Sử	Nữ	10/4/2007	Mông	Sín Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307000314	
695	8	2567202010036	CĐ.DUO.K25	Vàng Thị Thu	Nữ	02/01/2007	Tày	Sả Mào Phố	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307009218	
696	9	2567202010038	CĐ.DUO.K25	Giăng Thị Thủy	Nữ	29/10/2007	Mông	Cán Chư Sử	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307006576	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ thông tin K24: 9 Sinh viên													
697	1	2464802020001	CĐ.CNT.K24	Nông Đức Anh	Nam	01/7/2006	Nùng	Nậm Trì	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206000579	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
698	2	2464802020012	CD.CNT.K24	Chu Gia Huy	Nam	30/10/2006	Dáy	Tổ 5	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206006617	
699	3	2464802020014	CD.CNT.K24	Hoàng Minh Lộc	Nam	29/5/2006	Giáy	Bản Trung	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206007629	
700	4	2464802020015	CD.CNT.K24	Ly Seo Lùng	Nam	20/9/2005	HMông	Háng Dù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010205000311	
701	5	2464802020017	CD.CNT.K24	Giàng Seo Pao	Nam	26/01/2006	Mông	Lao Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206007479	
702	6	2464802020018	CD.CNT.K24	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	13/6/2006	Tày	Minh Hải	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206008287	
703	7	2464802020019	CD.CNT.K24	Giàng Minh Quang	Nam	02/9/2006	HMông	Lao Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206000496	
704	8	2464802020028	CD.CNT.K24	Tráng Seo Vinh	Nam	07/10/2004	Mông	Sín Chải	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010204000282	
705	9	2464802020029	CD.CNT.K24	Trương Văn Yên	Nam	10/10/2005	Dao	Mo 1	Xuân Hòa	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010205006569	
Lớp Cao đẳng Công nghệ thông tin K25: 12 Sinh viên														
706	1	2564802020005	CD.CNT.K25	Hoàng Anh Hiếu	Nam	29/11/2007	Tày	Ken 1	Chiềng Ken	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207005088	
707	2	2564802020002	CD.CNT.K25	Lý Seo Bướm	Nam	30/3/2007	Mông	Nậm Tông	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207003314	
708	3	2564802020004	CD.CNT.K25	Lý Hoàng Hiệp	Nam	21/4/2007	Tày	Loạc	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207006895	
709	4	2564802020008	CD.CNT.K25	Lù Văn Hưng	Nam	20/01/2006	Nùng	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010206000308	
710	5	2564802020011	CD.CNT.K25	Trương Hoàng Phúc	Nam	20/12/2007	Tày	Chiềng 3	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207002588	
711	6	2564802020012	CD.CNT.K25	Vàng Minh Sơn	Nam	19/10/2007	Mông	Hồ Sáo Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207005573	
712	7	2564802020013	CD.CNT.K25	Giàng A Thắng	Nam	17/3/2003	HMông	Mào Sao Phìn	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010203000285	
713	8	2564802020014	CD.CNT.K25	Sùng Quang Tiến	Nam	05/4/2006	HMông	Pá Chư Tỷ	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206004264	
714	9	2564802020015	CD.CNT.K25	Lù Quốc Trịnh	Nam	01/01/2007	Nùng	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010207008592	
715	10	2564802020017	CD.CNT.K25	Thào A Trương	Nam	20/5/2007	Mông	Sín Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207002083	
716	11	2564802020020	CD.CNT.K25	Hoàng Quốc Việt	Nam	09/02/2007	Tày	Thôn Cầu Cốc	Phúc Khánh	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207001831	
717	12	2565102160015	CD.CNT.K25	Lù Thượng Minh	Nam	08/3/2007	Nùng	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010207000158	
Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K23: 3 Sinh viên														
718	1	2362202060002	CD.TAN.K23	Hà Văn Chương	Nam	28/12/2003	Tày	Tân Bền	Phúc Khánh	Lào Cai	xã khu vực III	140.000		
719	2	2362202060006	CD.TAN.K23	Nông Hà Sông Lam	Nữ	20/3/1999	Tày	Mai 4	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	140.000		
720	3	2362202060012	CD.TAN.K23	Tráng Mờ Phia	Nữ	14/02/2005	Hà Nhì	Lao Chải	Y Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000		
Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K24: 3 Sinh viên														
721	1	2462202060007	CD.TAN.K24	Bản Thị Thu Hương	Nữ	17/12/2005	Dao	Cốc Sâm	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010305008754	
722	2	2462202060010	CD.TAN.K24	Lý Thị Lệ	Nữ	26/11/2005	Xa Phó	Khe Chấn 1	Văn Bản	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010305000493	
723	3	2462202060018	CD.TAN.K24	Đặng Văn Tiến	Nam	20/6/2006	Dao	4 Vành	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010206006155	
Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K25: 2 Sinh viên														
724	1	2562202060001	CD.TAN.K25	Lê Thị Hằng	Nữ	29/12/2007	Nùng	Đồng Mòng 2	Phúc Khánh	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307001917	
725	2	2562202060008	CD.TAN.K25	Tần Lở Mỷ	Nữ	24/6/2007	Dao	Sùng Bang	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010307005143	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/ tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24A: 5 Sinh viên													
726	1	2462202090007	CĐ.TTQ.K24A	Lý Thị Quý Dân	Nữ	18/12/2006	Dao	3 Thuồng	Phúc Lợi	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	015306002250	
727	2	2462202090022	CĐ.TTQ.K24A	Vàng Thị Tím	Nữ	13/3/2005	Giáy	Nà Bỏ	Tân Phong	Lai Châu	Thôn ĐBKk	140.000	012305001306	
728	3	2462202090025	CĐ.TTQ.K24A	Hoàng Kiều Trang	Nữ	27/8/2005	Tày	Thôn Mỏ	Thượng Bằng La	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	015305002128	
729	4	2462202090027	CĐ.TTQ.K24A	Triệu Anh Tuấn	Nam	02/9/2006	Tày	Giàng	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010206005794	
730	5	2462202090036	CĐ.TTQ.K24A	Phan Thị Thanh Xuân	Nữ	17/7/2006	Tày	Giàng	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010306004792	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24B: 8 Sinh viên													
731	1	2462202090048	CĐ.TTQ.K24B	Giàng Thị Liên	Nữ	07/6/2006	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306005718	
732	2	2462202090052	CĐ.TTQ.K24B	Phạm Ngọc Quang Luân	Nam	10/02/2004	Tày	Chiềng 5	Võ lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010204000773	
733	3	2462202090053	CĐ.TTQ.K24B	Hoàng Thị Luận	Nữ	19/12/2006	Tày	Nà Hin	Dương Quý	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306008774	
734	4	2462202090062	CĐ.TTQ.K24B	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	12/9/2006	Tày	Bè 3	Chiềng Ken	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306006493	
735	5	2462202090064	CĐ.TTQ.K24B	Mò Tiên Quân	Nam	02/6/2005	Giáy	Phổ Mới 2	Trịnh tường	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010205003096	
736	6	2462202090068	CĐ.TTQ.K24B	Thào A Tá	Nam	19/12/2006	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206003278	
737	7	2462202090073	CĐ.TTQ.K24B	Triệu Tất Thành	Nam	01/10/2003	Dao	Khe Pháo	Lâm Thượng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	015203000789	
738	8	2462202090075	CĐ.TTQ.K24B	Lục Thị Thoa	Nữ	27/9/2006	Nùng	Na Đầy	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306000097	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24C: 2 Sinh viên													
739	1	2462202090088	CĐ.TTQ.K24C	Nùng Văn Đoàn	Nam	10/9/2006	Giáy	Tân Tiến	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206006311	
740	2	2462202090110	CĐ.TTQ.K24C	Ngải Sín Si	Nam	08/01/2006	Hoa	Đề Bua	Si Pa Phìn	Điện Biên	xã khu vực III	140.000	011206002083	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24D: 12 Sinh viên													
741	1	2462202090116	CĐ.TTQ.K24D	Tráng Mừ Be	Nữ	06/8/2006	Hà Nhì	Lao Chải 3	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306009167	
742	2	2462202090122	CĐ.TTQ.K24D	Ly Thị Dứa	Nữ	11/01/2006	Mông	Lử Thân	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306008814	
743	3	2462202090123	CĐ.TTQ.K24D	Đặng Kim Dung	Nữ	04/7/2005	Dao	Bản 1	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010305007381	
744	4	2462202090124	CĐ.TTQ.K24D	Thào Seo Dừng	Nam	12/02/2006	HMông	Quán Dín Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010206009603	
745	5	2462202090127	CĐ.TTQ.K24D	Tráng Seo Điền	Nam	12/8/2006	Mông	Tản Chư	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206003400	
746	6	2462202090128	CĐ.TTQ.K24D	Sùng Hoài Đức	Nam	29/9/2002	Mông	Thôn Chùn	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	140.000	010202002304	
747	7	2462202090131	CĐ.TTQ.K24D	Thào Seo Hiền	Nam	15/10/2006	Mông	Sín Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206000812	
748	8	2462202090136	CĐ.TTQ.K24D	Lò Thị Lâm	Nữ	01/12/2004	Thái	Pa Tản 2	Pa Tản	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012304000077	
749	9	2462202090140	CĐ.TTQ.K24D	Vàng Thị Ngọc Linh	Nữ	22/4/2006	Giáy	Quy Ke	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306005777	
750	10	2462202090141	CĐ.TTQ.K24D	Tản Lao Lở	Nam	13/3/2004	Dao	Lả Nhì Thàng	Sì Lở Lầu	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012204004887	
751	11	2462202090149	CĐ.TTQ.K24D	Giàng Seo Nhà	Nam	11/3/2006	Mông	Lả Dì Thàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206009948	
752	12	2462202090150	CĐ.TTQ.K24D	Vàng Thị Nhe	Nữ	06/5/2006	Hmông	Dì Thảo Ván	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306005245	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24E: 5 Sinh viên													

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
753	1	2462202090167	CĐ.TTQ.K24E	Giàng A Di	Nam	06/5/2005	Mông	Dì Thành	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	038205026807	
754	2	2462202090168	CĐ.TTQ.K24E	Lò Văn Diết	Nam	09/8/2005	Dao	Quyết tiến	Pắc Ta	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012205005395	
755	3	2462202090172	CĐ.TTQ.K24E	Giàng A Đức	Nam	26/4/2006	Mông	Sán Sín Pao	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206004148	
756	4	2462202090182	CĐ.TTQ.K24E	Giàng Thị Yến Nhi	Nữ	27/6/2006	Mông	Sín Hồ Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306000458	
757	5	2462202090183	CĐ.TTQ.K24E	Lù Thị Nhị	Nữ	02/9/2003	Giáy	Huổi Sen	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012303000515	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24G: 17 Sinh viên													
758	1	2462202090197	CĐ.TTQ.K24G	Giàng A Chung	Nam	26/9/2005	Mông	Huổi Lóng	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	140.000	011205000448	
759	2	2462202090198	CĐ.TTQ.K24G	Sùng A Cú	Nam	17/11/2003	Hmông	Ngô Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010203004541	
760	3	2462202090200	CĐ.TTQ.K24G	Dì A Đình	Nam	05/8/2005	Mông	Hợp 2	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012205005664	
761	4	2462202090203	CĐ.TTQ.K24G	Sùng A Hồ	Nam	09/11/2005	Mông	Ma Sao Phìn Thấp	Khun Há	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012205001988	
762	5	2462202090206	CĐ.TTQ.K24G	Sùng Thị Khánh Ly	Nữ	27/8/2006	Mông	Thảm Phúc	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306003365	
763	6	2462202090208	CĐ.TTQ.K24G	Hoàng Hoài Nhiên	Nữ	30/10/2006	Tày	Văn Tiến	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306007907	
764	7	2462202090209	CĐ.TTQ.K24G	Vàng Thị Như	Nữ	24/3/2006	Mông	Thên Phùng	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306005507	
765	8	2462202090210	CĐ.TTQ.K24G	Lý Hồng Nhung	Nữ	03/12/2006	Hmông	Sín Chải Lùng Chín	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306007017	
766	9	2462202090212	CĐ.TTQ.K24G	Lèng Thị Quý	Nữ	10/3/2005	Giáy	Nà Bỏ	Tân Phong	Lai Châu	Thôn ĐBK	140.000	012305001238	
767	10	2462202090218	CĐ.TTQ.K24G	Thào Thị Sinh	Nữ	28/02/2006	Hmông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306000909	
768	11	2462202090219	CĐ.TTQ.K24G	Thào Minh Sơn	Nam	06/4/2006	Mông	Na Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206007211	
769	12	2462202090224	CĐ.TTQ.K24G	Giàng Thị Tấu	Nữ	13/02/2006	Mông	Mom Đào	Bảo Thắng	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306008835	
770	13	2462202090225	CĐ.TTQ.K24G	Vàng Thị Thái	Nữ	15/02/2003	Thái	Bản Mán 1	Sín Suối Hồ	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012303004231	
771	14	2462202090226	CĐ.TTQ.K24G	Lò Thị Thẩm	Nữ	25/8/2004	Thái	Pa Tần 2	Pa Tần	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012304000051	
772	15	2462202090228	CĐ.TTQ.K24G	Giàng Seo Thắng	Nam	13/12/2006	Hmông	Ngải Số	Bắc Hà	Lào Cai	Hộ cận Nghèo	100.000	010206006667	
773	16	2462202090232	CĐ.TTQ.K24G	Hoàng Thị Thay	Nữ	02/12/2005	Thu lao	Đội 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010305001493	
774	17	2462202090234	CĐ.TTQ.K24G	Lò Văn Tuấn	Nam	21/9/2005	Thái	Bản Mầu	Sín Suối Hồ	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012205005868	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25.CLC: 3 Sinh viên													
775	1	2562202090010	CĐ.TTQ.K25.CLC	Thào Thị Giang	Nữ	13/7/2007	Hmông	Quán Dín Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010307005675	
776	2	2562202090022	CĐ.TTQ.K25.CLC	Tản Thị Loan	Nữ	12/4/2005	Dao	Phô Hồ Thầu	Tả Lèng	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012305001462	
777	3	2562202090031	CĐ.TTQ.K25.CLC	Giàng Ngọc Quỳnh	Nữ	31/8/2007	Hmông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307003460	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25A: 7 Sinh viên													
778	1	2562202090037	CĐ.TTQ.K25A	Giàng Huy Anh	Nam	16/02/2007	Mông	Máo Chóa Sù	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207004878	
779	2	2562202090038	CĐ.TTQ.K25A	Hoàng Việt Bằng	Nam	10/6/2007	Dao	4 Vành	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010207001555	
780	3	2562202090043	CĐ.TTQ.K25A	Vàng A Dìn	Nam	13/12/2006	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206002888	
781	4	2562202090052	CĐ.TTQ.K25A	Hoàng Thị Quỳnh Nga	Nữ	12/5/2007	Tày	Trĩ Ngoài	Phúc Khánh	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307006443	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
782	5	2562202090054	CĐ.TTQ.K25A	Vương Thị Phương Quyên	Nữ	08/10/2007	Nùng	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010307008404	
783	6	2562202090055	CĐ.TTQ.K25A	Phùng Thị Sinh	Nữ	06/01/2006	Dao	Nậm Tăm	Nậm Chày	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306004451	
784	7	2562202090072	CĐ.TTQ.K25A	Lương Thị Yêu	Nữ	14/8/2006	Tày	Khuân Đo	Dương Quỳ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306006755	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25B: 12 Sinh viên													
785	1	2562202090076	CĐ.TTQ.K25B	Hạng Thị Thanh Cu	Nữ	25/12/2007	Mông	Séo Mỹ Tỷ	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005957	
786	2	2562202090085	CĐ.TTQ.K25B	Tần Mỹ Hằng	Nữ	24/9/2007	Dao	Bản Giàng	Sì Lở Lầu	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012307006298	
787	3	2562202090091	CĐ.TTQ.K25B	Lường Thị Hương	Nữ	20/8/2007	Thái	Pa Tần 1	Pa Tần	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012307001566	
788	4	2562202090092	CĐ.TTQ.K25B	Lý Thị Hoàng Linh	Nữ	07/01/2007	Dao	Chù Lìn	Tả Lèng	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012307003752	
789	5	2562202090093	CĐ.TTQ.K25B	Sin Thị Luyến	Nữ	03/01/2007	Nùng	Nàn Vái	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307000410	
790	6	2562202090097	CĐ.TTQ.K25B	Thào Thị Mừng	Nữ	07/8/2007	Giáy	Nà Bỏ	Tân Phong	Lai Châu	Thôn ĐBKK	140.000	012307000700	
791	7	2562202090098	CĐ.TTQ.K25B	Nông Thị Kim Ngân	Nữ	29/7/2007	Dao	Bản Dăm	Xuân Hòa	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307007889	
792	8	2562202090099	CĐ.TTQ.K25B	Hoàng Yến Ngọc	Nữ	07/01/2007	Nùng	Tân Bèn	Phúc Khánh	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307000774	
793	9	2562202090103	CĐ.TTQ.K25B	Thiều Tiên Phong	Nam	17/11/2007	Dao	Làng Đung	Khánh Hòa	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	015207004197	
794	10	2562202090105	CĐ.TTQ.K25B	Chở A Thanh	Nam	07/9/2003	H'Mông	Ma Thi Hồ 2	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	140.000	011203001141	
795	11	2562202090107	CĐ.TTQ.K25B	Đặng Thị Thương	Nữ	11/6/2007	Dao	Thôn 4 Vải Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307006349	
796	12	2562202090108	CĐ.TTQ.K25B	Phạm Thanh Thúy	Nữ	23/7/2005	Tày	Bắt 2	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010305008045	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25C: 17 Sinh viên													
797	1	2562202090112	CĐ.TTQ.K25C	Vì Thị Ngọc Anh	Nữ	10/10/2007	Thái	Nậm Chủ	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005985	
798	2	2562202090121	CĐ.TTQ.K25C	Điều Thị Thu Hà	Nữ	13/12/2006	Thái	Chiềng Nưa	Lê Lợi	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012306000136	
799	3	2562202090122	CĐ.TTQ.K25C	Vì Thị Hiên	Nữ	05/9/2007	Nùng	2 Thuồng	Phúc Lợi	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	015307008004	
800	4	2562202090125	CĐ.TTQ.K25C	Ma Thị Hoa	Nữ	06/12/2007	Mông	Nậm Thổ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010307007656	
801	5	2562202090126	CĐ.TTQ.K25C	Phản Văn Hưng	Nam	25/12/2007	Dao	Xin Chải	Tả Lèng	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012207006588	
802	6	2562202090127	CĐ.TTQ.K25C	Lý Nhật Khánh	Nam	28/9/2007	Giáy	Bản Trung	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207005851	
803	7	2562202090128	CĐ.TTQ.K25C	Lò Văn Khánh	Nam	13/5/2007	Thái	Bản Hợp Nhất	Bản Bo	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012207005528	
804	8	2562202090132	CĐ.TTQ.K25C	Tạ Hoài Linh	Nữ	20/10/2007	Giáy	Mường Hum	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005820	
805	9	2562202090133	CĐ.TTQ.K25C	Lý Tả Mây	Nữ	17/9/2006	Dao	Bản nhóm 3	Sì Lở Lầu	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012306000012	
806	10	2562202090137	CĐ.TTQ.K25C	Hầu Thủy Nga	Nữ	07/10/2007	Mông	Mào Sao Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307003972	
807	11	2562202090138	CĐ.TTQ.K25C	Lý Thị Thu Ngọc	Nữ	14/12/2007	Dao	Bản Dăm	Xuân Hòa	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307008575	
808	12	2562202090139	CĐ.TTQ.K25C	Trang Thị Nguyệt	Nữ	10/10/2005	Dáy	Nậm Chủ	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010305004810	
809	13	2562202090140	CĐ.TTQ.K25C	Hà Thị Hồng Nhip	Nữ	30/9/2007	Tày	Bắt 1	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307007765	
810	14	2562202090141	CĐ.TTQ.K25C	Thào Seo Nù	Nam	12/5/2004	Mông	Ma Sín Chải	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010204007635	
811	15	2562202090142	CĐ.TTQ.K25C	Giàng Thị Phấn	Nữ	17/01/2007	Mông	Sảng Chải	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307000107	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
812	16	2562202090144	CĐ.TTQ.K25C	Lương Thị Hoàng Sa	Nữ	24/9/2007	Tày	Chiềng 3	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307006426	
813	17	2562202090149	CĐ.TTQ.K25C	Sùng Thị Thanh Thùy	Nữ	30/4/2007	Mông	Phìn Chư 3	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307007840	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25D: 13 Sinh viên													
814	1	2562202090151	CĐ.TTQ.K25D	Phạm Ngọc Anh	Nam	05/11/2007	Nùng	Na Đầy	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207005876	
815	2	2562202090152	CĐ.TTQ.K25D	Thào Thị Chanh	Nữ	29/9/2006	HMông	Chu Lin Phố	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306004308	
816	3	2562202090154	CĐ.TTQ.K25D	Lò Thị Diệp	Nữ	11/11/2007	Giáy	Cửa Cải	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005215	
817	4	2562202090156	CĐ.TTQ.K25D	Sùng Thị Hà	Nữ	27/12/2006	H'Mông	Thôn Chùn	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306002701	
818	5	2562202090159	CĐ.TTQ.K25D	Giàng A Lênh	Nam	14/02/2007	H'Mông	Giàng Tả Chải mông	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207007606	
819	6	2562202090162	CĐ.TTQ.K25D	Hoàng Thị Thúy Nga	Nữ	05/11/2007	Giáy	Ná Rin	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307005546	
820	7	2562202090165	CĐ.TTQ.K25D	Hoàng Thị Phần	Nữ	16/7/2007	Tày	Son Đông	Lâm Thượng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	015307006215	
821	8	2562202090167	CĐ.TTQ.K25D	Giàng Minh Phong	Nam	22/6/2007	Mông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010207009478	
822	9	2562202090170	CĐ.TTQ.K25D	Vàng A Quý	Nam	06/12/2007	HMông	Na Lốc 4	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010207006159	
823	10	2562202090175	CĐ.TTQ.K25D	Giàng Seo Thắng	Nam	28/3/2005	H'Mông	Lao Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010205001513	
824	11	2562202090176	CĐ.TTQ.K25D	Sầm Văn Thanh	Nam	16/12/2007	Tày	Thôn 2 Minh Thượng	Minh Lương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207006298	
825	12	2562202090183	CĐ.TTQ.K25D	Vàng Thị Xoa	Nữ	01/3/2006	Mông	Ngải Phóng Chỏ	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306001420	
826	13	2562202090184	CĐ.TTQ.K25D	Chu Xuy Xú	Nữ	17/11/2007	Hà Nhì	Lao Chải	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307002135	
	Lớp Cao đẳng Kế toán K24: 2 Sinh viên													
827	1	2463403010009	CĐ.KTO.K24	Đào Văn Hoàng	Nam	30/3/2005	Tày	Là 1	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010205000527	
828	2	2463403010025	CĐ.KTO.K24	Vàng Văn Quân	Nam	04/9/2005	Thu Lao	Đội 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010205000627	
	Lớp Cao đẳng Kế toán K25.TTQ: 5 Sinh viên													
829	1	2563403010033	CĐ.KTO.K25.TTQ	Hoàng Thị Bích Duyệt	Nữ	17/11/2002	Tày	Cốc 2	Cốc San	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010302005768	
830	2	2563403010036	CĐ.KTO.K25.TTQ	Đặng Thị Hiền	Nữ	20/11/2007	Dao	Nậm Đình	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307004243	
831	3	2563403010038	CĐ.KTO.K25.TTQ	Ma Chấn Hồng	Nam	16/3/2007	Mông	Tả Lủ	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207007829	
832	4	2563403010040	CĐ.KTO.K25.TTQ	Giàng Thị Lan	Nữ	16/3/2006	Mông	Sín Chải	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010306004604	
833	5	2563403010042	CĐ.KTO.K25.TTQ	Lủ Seo Lủ	Nam	15/01/2007	Mông	Lủ Dì Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207000297	
	Lớp Cao đẳng Kế toán K25A: 3 Sinh viên													
834	1	2563403010003	CĐ.KTO.K25A	Triệu Văn Hồng	Nam	12/3/2007	Dao	Bông 3	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010207006817	
835	2	2563403010012	CĐ.KTO.K25A	Nguyễn Quang Thuận	Nam	25/4/2004	Tày	Tân Bền	Phúc Khánh	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010204007286	
836	3	2563403010019	CĐ.KTO.K25A	Triệu Thị Yến	Nữ	21/08/2007	Dao	Khe Pháo	Lâm Thượng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	015307005581	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật xây dựng K25: 1 Sinh viên													
837	1	2565802010011	CĐ.KXD.K25	Thào Seo Vung	Nam	07/7/2007	Mông	Lùng Xa 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207008780	
	Lớp Cao đẳng Thú y K24: 4 Sinh viên													

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
838	1	2466401010005	CD.THY.K24	Lò Minh Đáng	Nam	04/10/2005	Tày	Nậm Pẩu	Nghĩa Đô	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010205004389	
839	2	2466401010007	CD.THY.K24	Nguyễn Văn Hải	Nam	03/3/2003	Tày	Chiềng 3	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010203001398	
840	3	2466401010017	CD.THY.K24	Cô Kim Thụy	Nam	25/02/1991	Tày	Nậm Khạo	Nghĩa Đô	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010091004800	
841	4	2466401010018	CD.THY.K24	Lương Thanh Tiền	Nam	06/02/2006	Tày	Nậm Cắm	Nghĩa Đô	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010206005524	
	Lớp Cao đẳng Thú y K25: 3 Sinh viên													
842	1	2566401010005	CD.THY.K25	Đặng Văn Đức	Nam	18/11/2004	Dao	Thôn Bó	Phúc Khánh	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010204004137	
843	2	2566401010009	CD.THY.K25	Chào Mùi Phìn	Nữ	01/10/2006	Dao	Ú Xì Sung	Hợp Thành	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010306001614	
844	3	2566401010011	CD.THY.K25	Vàng Thị Minh Vy	Nữ	20/9/2007	HMông	Hôm Dưới	Nậm Chày	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010307002046	
	Lớp Trung cấp Chăn nuôi thú y K24.8: 15 Học sinh													
845	1	2456201190003	TC.CNY.K24.8	Giàng A Bình	Nam	08/01/2009	Mông	Sáng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209003106	
846	2	2456201190008	TC.CNY.K24.8	Thào Thanh Duyên	Nam	01/11/2009	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209000397	
847	3	2456201190009	TC.CNY.K24.8	Cư Thị Duyên	Nữ	13/4/2009	Mông	Dào Dần Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309004347	
848	4	2456201190012	TC.CNY.K24.8	Giàng A Hải	Nam	16/12/2009	Mông	Seo Khai Hoá	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209003189	
849	5	2456201190014	TC.CNY.K24.8	Sùng Thanh Hòa	Nam	23/10/2009	Mông	Lênh Sui Thàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	01020900014	
850	6	2456201190024	TC.CNY.K24.8	Giàng A Phòng	Nam	08/6/2009	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008644	
851	7	2456201190025	TC.CNY.K24.8	Ly A Phừ	Nam	26/9/2009	Mông	Na Pá	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008337	
852	8	2456201190027	TC.CNY.K24.8	Giàng Thị Thu Phương	Nữ	27/5/2009	HMông	Seo Khai Hóa	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309009448	
853	9	2456201190030	TC.CNY.K24.8	Giàng A Quảng	Nam	07/9/2009	Mông	Cán Chư Sừ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209007841	
854	10	2456201190034	TC.CNY.K24.8	Sùng Thị Súng	Nữ	23/11/2009	Mông	Hoàng Thu Phổ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309002030	
855	11	2456201190035	TC.CNY.K24.8	Giàng A Thắng	Nam	15/5/2009	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209007246	
856	12	2456201190037	TC.CNY.K24.8	Ly Xuân Thành	Nam	25/3/2009	Mông	Lênh Sui Thàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209006540	
857	13	2456201190038	TC.CNY.K24.8	Thào A Vần	Nam	20/10/2009	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209005262	
858	14	2456201190039	TC.CNY.K24.8	Thắng Xuân Vinh	Nam	06/02/2008	Thu Lao	Đội 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010208001211	
859	15	2456201190041	TC.CNY.K24.8	Ly Seo Xuân	Nam	17/6/2009	HMông	Chín Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209000407	
	Lớp Trung cấp Điện-Nước K24.6: 1 Học sinh													
860	1	2455802120010	TC.ĐNU.K24.6	Hoàng Thu Hoài	Nữ	23/8/2009	Nùng	Na Đầy	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309004216	
	Lớp Trung cấp Điện-Nước K24.8: 16 Học sinh													
861	1	2455802120033	TC.ĐNU.K24.8	Ma Thanh Bình	Nam	19/5/2009	Mông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209009171	
862	2	2455802120035	TC.ĐNU.K24.8	Hoàng Thành Công	Nam	18/9/2009	Mông	Đội 3	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000		
863	3	2455802120036	TC.ĐNU.K24.8	Ly Thành Công	Nam	05/5/2009	Mông	Gia Khâu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209005040	
864	4	2455802120038	TC.ĐNU.K24.8	Ma Thành Công	Nam	03/11/2009	HMông	Seo Khai Hóa	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209009231	
865	5	2455802120043	TC.ĐNU.K24.8	Thào Văn Đông	Nam	09/3/2009	HMông	Chín Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209004111	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
866	6	2455802120046	TC.ĐNU.K24.8	Giàng Seo Hai	Nam	08/3/2009	Mông	Ngã Ba 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209001990	
867	7	2455802120048	TC.ĐNU.K24.8	Giàng Thanh Long	Nam	22/7/2009	Mông	Sín Hồ Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209005967	
868	8	2455802120050	TC.ĐNU.K24.8	Vàng Văn Lương	Nam	13/9/2009	Mông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209000505	
869	9	2455802120052	TC.ĐNU.K24.8	Lừu Seo Nhà	Nam	29/01/2009	Mông	Chu Liền Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209006943	
870	10	2455802120055	TC.ĐNU.K24.8	Ma Seo Páo	Nam	27/7/2009	Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008386	
871	11	2455802120057	TC.ĐNU.K24.8	Giàng Đình Phong	Nam	20/8/2009	Hmông	Sín Hồ Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209006210	
872	12	2455802120060	TC.ĐNU.K24.8	Giàng Seo Quang	Nam	01/7/2009	HMông	Lù Dì Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209009946	
873	13	2455802120063	TC.ĐNU.K24.8	Cư Văn Sơn	Nam	26/4/2009	Mông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209003283	
874	14	2455802120064	TC.ĐNU.K24.8	Hảng A Thắng	Nam	19/4/2007	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010207003439	
875	15	2455802120068	TC.ĐNU.K24.8	Giàng Seo Tiến	Nam	21/02/2009	Mông	Lù Dì Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209009912	
876	16	2455802120073	TC.ĐNU.K24.8	Hoàng Ngọc Vinh	Nam	28/8/2009	Mông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008310	
	Lớp Trung cấp Điện-Nước K25.6: 6 Học sinh													
877	1	2555802120001	TC.ĐNU.K25.6	Sùng Dìn Bình	Nam	21/12/2010	Mông	Chu Lìn Phỏ	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210005683	
878	2	2555802120011	TC.ĐNU.K25.6	Vàng Phà Kháng	Nam	26/01/2010	Mông	Cán Hồ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210002554	
879	3	2555802120012	TC.ĐNU.K25.6	Lù Lao Khánh	Nam	14/3/2010	Nùng	Lùng Phìn A	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210002258	
880	4	2555802120016	TC.ĐNU.K25.6	Phùng Thê Nam	Nam	16/5/1993	Nùng	Phổ Cũ	Mường khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010093008320	
881	5	2555802120024	TC.ĐNU.K25.6	Ly Sín Thắng	Nam	08/11/2010	Mông	Gia Khâu B	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210000315	
882	6	2555802120025	TC.ĐNU.K25.6	Thào Văn Thắng	Nam	14/10/2010	Mông	Vả Thàng	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210003727	
	Lớp Trung cấp Kế toán doanh nghiệp K24.1: 1 Học sinh													
883	1	2453403020055	TC.KDN.K24.1	Lý Thu Hà	Nữ	09/9/2008	Dao		Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010308008429	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.4: 16 Học sinh													
884	1	2455802010116	TC.KXD.K24.4	Vù Seo Hành	Nam	23/7/2009	Hmông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209007096	
885	2	2455802010117	TC.KXD.K24.4	Vàng Văn Hoàng	Nam	11/12/2009	HMông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209008170	
886	3	2455802010119	TC.KXD.K24.4	Ly Seo Long	Nam	19/01/2009	Mông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209005740	
887	4	2455802010120	TC.KXD.K24.4	Vù Văn Minh	Nam	09/9/2009	Hmông	Nhiu Lùng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	102090022335	
888	5	2455802010121	TC.KXD.K24.4	Giàng Seo Phùng	Nam	30/11/2009	Mông	Sẻ Chải	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209007093	
889	6	2455802010123	TC.KXD.K24.4	Lồ Anh Tuấn	Nam	21/11/2009	Mông	Ngài Ma Lùng Trù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010191000629	
890	7	2455802010131	TC.KXD.K24.4	Giàng Seo Hải	Nam	05/9/2009	Mông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209009689	
891	8	2455802010135	TC.KXD.K24.4	Vàng Quốc Khánh	Nam	02/9/2009	Tày	Đội 3	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209009226	
892	9	2455802010139	TC.KXD.K24.4	Vàng Thị Nhung	Nữ	10/3/2009	HMông	Sản Chư Văn	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309005052	
893	10	2455802010142	TC.KXD.K24.4	Sùng Seo Phà	Nam	20/11/2009	Mông	Khu Chu Tùng	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008396	
894	11	2455802010152	TC.KXD.K24.4	Ly Văn Tiên	Nam	08/3/2009	Mông	Thôn Sín Chải	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209005299	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
895	12	2455802010155	TC.KXD.K24.4	Tráng Seo Chô	Nam	06/8/2009	Mông	Tản Chư	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209001902	
896	13	2455802010156	TC.KXD.K24.4	Giàng Cùi Thu Hà	Nữ	11/6/2009	Phù Lá	Lùng Phình	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309004147	
897	14	2455802010157	TC.KXD.K24.4	Thào Seo Hòa	Nam	19/11/2008	HMông	Xà Phìn	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010208003903	
898	15	2455802010159	TC.KXD.K24.4	Ma Seo Khóa	Nam	07/12/2009	Mông	Khu Chu Tùng	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209003714	
899	16	2455802010163	TC.KXD.K24.4	Tráng A Tú	Nam	23/11/2009	HMông	Tản Chư	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209006546	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.8: 17 Học sinh													
900	1	2455802010002	TC.KXD.K24.8	Sùng Seo Áo	Nam	09/02/2009	Mông	Sín Chải 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209002931	
901	2	2455802010003	TC.KXD.K24.8	Cư Seo Chử	Nam	02/11/2009	Mông	Sín Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209002234	
902	3	2455802010010	TC.KXD.K24.8	Phan Trường Giang	Nam	08/10/2008	Giáy	Phổ Thầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010208002789	
903	4	2455802010011	TC.KXD.K24.8	Cư Seo Hòa	Nam	02/11/2009	HMông	Sín Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209003554	
904	5	2455802010013	TC.KXD.K24.8	Vàng Seo Huy	Nam	09/11/2009	HMông	Nàng Căng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209007876	
905	6	2455802010017	TC.KXD.K24.8	Giàng A Nhà	Nam	12/10/2009	Mông	Sản Chúng	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010200090125	
906	7	2455802010019	TC.KXD.K24.8	Thào Xuân Nhật	Nam	13/3/2009	HMông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209004348	
907	8	2455802010021	TC.KXD.K24.8	Giàng Seo Phấn	Nam	03/12/2009	HMông	Hòa Bình	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209003969	
908	9	2455802010022	TC.KXD.K24.8	Hoàng Tiến Phong	Nam	22/5/2009	Mông	Mào Sao Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209001818	
909	10	2455802010023	TC.KXD.K24.8	Vàng A Phong	Nam	17/3/2009	HMông	Seo Khái Hoá	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209002542	
910	11	2455802010024	TC.KXD.K24.8	Giàng Seo Phong	Nam	07/01/2009	Mông	Sẻ Mán Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209006035	
911	12	2455802010025	TC.KXD.K24.8	Giàng Seo Phồng	Nam	07/01/2009	HMông	Lử Thẩn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209007349	
912	13	2455802010029	TC.KXD.K24.8	Tráng Seo Say	Nam	30/11/2009	HMông	Lao Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209000454	
913	14	2455802010032	TC.KXD.K24.8	Lồ Thái Sơn	Nam	11/11/2009	Mông	Mào Sao Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000		
914	15	2455802010036	TC.KXD.K24.8	Ly Seo Tênh	Nam	12/11/2009	Mông	Sín Hồ Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008344	
915	16	2455802010037	TC.KXD.K24.8	Ly Seo Tờ	Nam	13/3/2009	Mông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209007710	
916	17	2455802010039	TC.KXD.K24.8	Ma Seo Tráng	Nam	26/10/2009	HMông	Seo Khái Hoá	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209003494	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K25.4: 6 Học sinh													
917	1	2555802010002	TC.KXD.K25.4	Đặng Hùng Anh	Nam	29/9/2010	Dao	Sử Chù Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010210001798	
918	2	2555802010004	TC.KXD.K25.4	Triệu Ton Chín	Nam	06/11/2009	Dao	Làng Tát	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209009945	
919	3	2555802010006	TC.KXD.K25.4	Triệu Hiệu Chùi	Nam	12/01/2010	Dao	Tổng Hạ	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210006677	
920	4	2555802010030	TC.KXD.K25.4	Lâm Đức Thái	Nam	14/12/2010	Tày	Đội 2	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210006432	
921	5	2555802010033	TC.KXD.K25.4	Vàng Văn Trung	Nam	14/6/2010	Mông	Sín Chải Cờ Cài	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210007461	
922	6	2555802010037	TC.KXD.K25.4	Triệu Văn Vàng	Nam	15/11/2010	Dao	Tổng Hạ	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210005148	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.4: 19 Học sinh													
923	1	2456201310045	TC.NCC.K24.4	Sùng Seo Giống	Nam	02/4/2009	Mông	Xín Chải	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008066	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
924	2	2456201310048	TC.NCC.K24.4	Giàng Si Phương	Nữ	19/10/2009	Phù Lá	Tả Chải	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309001312	
925	3	2456201310049	TC.NCC.K24.4	Vàng Seo Sà	Nam	22/11/2009	Hmông	Ngải Số	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209008981	
926	4	2456201310050	TC.NCC.K24.4	Giàng Seo Sánh	Nam	15/5/2009	Mông	Sán Trá Thên Ván	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209001346	
927	5	2456201310053	TC.NCC.K24.4	Giàng Văn Thành	Nam	28/5/2009	Mông	Cốc Lầu	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209002900	
928	6	2456201310054	TC.NCC.K24.4	Thào Khái Thịnh	Nam	09/12/2009	Mông	Sín Chải Lùng Chín	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209005200	
929	7	2456201310056	TC.NCC.K24.4	Thào A Vàng	Nam	03/01/2009	Mông	Sín Chải	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209006283	
930	8	2456201310079	TC.NCC.K24.4	Vàng Seo Sáng	Nam	03/02/2009	Mông	Ngải Thầu Sín Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209002324	
931	9	2456201310088	TC.NCC.K24.4	Giàng Quang Vinh	Nam	28/02/2009	Mông	Sín Chải Lùng Chín	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209001290	
932	10	2456201310090	TC.NCC.K24.4	Thào Thái Bình	Nam	11/8/2009	HMông	Ngải Ma Lùng Trù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209002894	
933	11	2456201310092	TC.NCC.K24.4	Sùng Thị Hàng	Nữ	23/7/2009	Mông	Xín Chải	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309008299	
934	12	2456201310093	TC.NCC.K24.4	Vù Seo Hiền	Nam	15/9/2009	Mông	Dì Thào Ván	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209004170	
935	13	2456201310094	TC.NCC.K24.4	Giàng Thị Liên	Nữ	25/11/2009	Mông	Hầu Đào	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010309003835	
936	14	2456201310095	TC.NCC.K24.4	Lý Thị Ly	Nữ	09/12/2009	Mông	Sín Chải	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309003003	
937	15	2456201310096	TC.NCC.K24.4	Vàng Văn Mạnh	Nam	12/12/2009	HMông	Dì Thàng 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209003337	
938	16	2456201310097	TC.NCC.K24.4	Lý A Quang	Nam	12/10/2009	Mông	Sín Chải	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209006917	
939	17	2456201310098	TC.NCC.K24.4	Giàng Seo Thầy	Nam	11/7/2009	Mông	Xà Phìn	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209007913	
940	18	2456201310099	TC.NCC.K24.4	Vàng Seo Thiên	Nam	24/7/2009	Mông	Xà Phìn	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209004266	
941	19	2456201310066	TC.NCC.K24.4	Vàng Seo Đông	Nam	14/4/2009	Hmông	Sừ Chù Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	140.000	010209002842	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.8: 9 Học sinh													
942	1	2456201310006	TC.NCC.K24.8	Thào Hạnh Chí	Nữ	04/3/2009	Mông	Seng Sui	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000		
943	2	2456201310008	TC.NCC.K24.8	Cư Thị Công	Nữ	12/12/2009	Mông	Sín Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309000154	
944	3	2456201310009	TC.NCC.K24.8	Ly Thị Dế	Nữ	20/3/2009	Mông	Sín Hồ Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309001276	
945	4	2456201310018	TC.NCC.K24.8	Thào A Hai	Nam	10/11/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008555	
946	5	2456201310020	TC.NCC.K24.8	Vàng Seo Mênh	Nam	14/7/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008928	
947	6	2456201310023	TC.NCC.K24.8	Vàng Thị Mùa	Nữ	04/8/2009	Mông	Cán Chư Sừ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309001863	
948	7	2456201310028	TC.NCC.K24.8	Hoàng Seo Quang	Nam	13/5/2009	Mông	Tả Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209003743	
949	8	2456201310032	TC.NCC.K24.8	Giàng Thị Sú	Nữ	04/5/2009	HMông	Nàn Sín	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309037177	
950	9	2456201310040	TC.NCC.K24.8	Hằng Thị Trống	Nữ	25/09/2009	Mông	Seng Sui	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309004837	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K25.8: 8 Học sinh													
951	1	2556201310001	TC.NCC.K25.8	Hoàng Văn Bình	Nam	20/12/2010	Mông	Na Pá	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210008248	
952	2	2556201310004	TC.NCC.K25.8	Hoàng Thị Chu	Nữ	02/12/2010	Mông	Tả Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010310005298	
953	3	2556201310005	TC.NCC.K25.8	Giàng Thị Cờ	Nữ	18/10/2010	Hmông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010310000072	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
954	4	2556201310010	TC.NCC.K25.8	Ma Xuân Đông	Nam	13/12/2010	HMông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210001525	
955	5	2556201310016	TC.NCC.K25.8	Sùng Thị Diễm Hương	Nữ	19/10/2010	Hmông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010310004246	
956	6	2556201310019	TC.NCC.K25.8	Thào Thị Ngọc Liên	Nữ	27/01/2010	Hmông	Lử Thân	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010310009462	
957	7	2556201310035	TC.NCC.K25.8	Vàng Seo Tuấn	Nam	04/3/2010	Hmông	Nàng Càng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210001893	
958	8	2556201310037	TC.NCC.K25.8	Vàng Seo Vang	Nam	11/4/2010	Hmông	Nàng Càng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210008743	
	Lớp Trung cấp Thú y K25.8: 13 Học sinh													
959	1	2556401010008	TC.THY.K25.8	Ly Quang Hồng	Nam	11/6/2010	HMông	Lênh Sui Thàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210007095	
960	2	2556401010011	TC.THY.K25.8	Ma Seo Huy	Nam	28/02/2007	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210006428	
961	3	2556401010013	TC.THY.K25.8	Giàng Đức Minh	Nam	13/8/2010	HMông	Seng Sui	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210008379	
962	4	2556401010014	TC.THY.K25.8	Hờ A Mùa	Nam	17/7/2010	Mông	Ngải Phóng Chồ	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	011210000139	
963	5	2556401010017	TC.THY.K25.8	Tráng Trường Phong	Nam	04/3/2010	Mông	Cán Chư Sừ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210008934	
964	6	2556401010018	TC.THY.K25.8	Thào A Phương	Nam	23/01/2010	Mông	Lênh Sui Thàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210004279	
965	7	2556401010021	TC.THY.K25.8	Ly Xuân Quyền	Nam	23/10/2010	Nùng	Khoán Púng	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210002498	
966	8	2556401010026	TC.THY.K25.8	Ly Seo Thành	Nam	30/10/2010	HMông	Lênh Sui Thàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210007464	
967	9	2556401010034	TC.THY.K25.8	Thào Thành Vân	Nam	24/02/2010	Mông	Seng Sui	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210005428	
968	10	2556401010036	TC.THY.K25.8	Giàng Hòa Vang	Nam	27/02/2010	Mông	Cán Chư Sừ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210003898	
969	11	2556401010050	TC.THY.K25.8	Giàng Seo Chú	Nam	23/02/2009	HMông	Seng Sui	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209003196	
970	12	2556401010051	TC.THY.K25.8	Ly Mạnh Cường	Nam	01/12/2010	Mông	Cán Chư Sừ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210006023	
971	13	2556401010052	TC.THY.K25.8	Giàng A Đại	Nam	06/10/2010	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210001159	
	Lớp Trung cấp Tiếng Trung Quốc K24.5A: 19 Học sinh													
972	1	2452202090001	TC.TTQ.K24.5A	Khẩu Vàng Bình	Nam	26/9/2009	Thu Lao	Khoán Púng	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209008006	
973	2	2452202090008	TC.TTQ.K24.5A	Ma Đức Hải	Nam	21/11/2009	Mông	Seo Khai Hoá	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209005393	
974	3	2452202090010	TC.TTQ.K24.5A	Tần Thị Hạnh	Nữ	16/9/2005	Dao	Hồi Luông	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012305007224	
975	4	2452202090011	TC.TTQ.K24.5A	Vàng Thị Hiền	Nữ	24/8/2005	Giáy	Nà Cúng	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012305000496	
976	5	2452202090012	TC.TTQ.K24.5A	Cáo Thị Hiền	Nữ	28/8/1994	Nùng	Tòng Già	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010194006170	
977	6	2452202090013	TC.TTQ.K24.5A	Sùng Thị Thu Hương	Nữ	02/6/2003	Hmông	Sín Chải A	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010303009209	
978	7	2452202090020	TC.TTQ.K24.5A	Tráng Thị Mai	Nữ	21/7/2009	Mông	Cán Chư Sừ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309007044	
979	8	2452202090024	TC.TTQ.K24.5A	Lý Mùi Mùi	Nữ	29/5/2009	Dao	Phìn Hồ	Thông Nguyên	Tuyên Quang	xã khu vực III	140.000	002309011004	
980	9	2452202090025	TC.TTQ.K24.5A	Đặng Hồng Ngọc	Nữ	19/9/2009	Dao	Bản Trà	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309004852	
981	10	2452202090033	TC.TTQ.K24.5A	Lý Tả Mỷ	Nữ	18/8/2009	Dao	Lủ Khẩu	Ngũ Chỉ Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309006148	
982	11	2452202090037	TC.TTQ.K24.5A	Phàn Phạm Phóng	Nữ	16/3/2005	Dao	Chang Hồng I	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012305001889	
983	12	2452202090038	TC.TTQ.K24.5A	Hoàng Nải Phu	Nam	10/5/2008	Dao	Trung Háng	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012208003521	

STT	STT lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			Đối tượng	Số tiền hưởng TCXH/tháng	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh				
984	13	2452202090043	TC.TTQ.K24.5A	Giàng A Thông	Nam	10/4/2009	Mông	Sao Cô Sin	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209004694	
985	14	2452202090045	TC.TTQ.K24.5A	Đặng Thị Minh Thu	Nữ	09/4/2009	Dao	Tiên Phong	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309001479	
986	15	2452202090046	TC.TTQ.K24.5A	Tráng A Toại	Nam	17/5/2009	Mông	Cán Chư Sừ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010209004751	
987	16	2452202090048	TC.TTQ.K24.5A	Đặng Thùy Trang	Nữ	09/6/2009	Dao	Khe Phàn	Văn Bản	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010309006609	
988	17	2452202090050	TC.TTQ.K24.5A	Vàng Thị Hoa Tuyết	Nữ	28/12/2009	HMông	Seo Khai Hoá	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309005223	
989	18	2452202090052	TC.TTQ.K24.5A	Liu Thị Xuân	Nữ	24/5/2009	Giáy	Tòng Xanh	Cốc San	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010309002005	
990	19	2452202090055	TC.TTQ.K24.5A	Lò Thị Xuôi	Nữ	12/8/2006	Thái	Ná Sải	Pu Sam Cáp	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012306006025	
	Lớp Trung cấp Tiếng Trung Quốc K25.5: 11 Học sinh													
991	1	2552202090004	TC.TTQ.K25.5	Lý Sinh Chanh	Nam	11/3/2010	Mông	Bản Khao	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210010007	
992	2	2552202090007	TC.TTQ.K25.5	Sùng Thị Kim Dinh	Nữ	04/10/2010	Mông	Na Lốc 4	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010310003700	
993	3	2552202090010	TC.TTQ.K25.5	Tần Thị Hà	Nữ	13/3/2005	Dao	Phô Hồ Thầu	Tả Lèng	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012305003345	
994	4	2552202090014	TC.TTQ.K25.5	Cư Seo Hòa	Nam	04/6/2010	Hmông	Thác Dây	Văn Bản	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010210004166	
995	5	2552202090019	TC.TTQ.K25.5	Giàng Thị Thanh Mai	Nữ	26/7/2010	Mông	Cốc Phương	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010310005973	
996	6	2552202090023	TC.TTQ.K25.5	Lý Thùy Minh	Nữ	08/4/2004	Dao	Nhóm 3	Si Lở Lầu	Lai Châu	xã khu vực III	140.000	012304005439	
997	7	2552202090028	TC.TTQ.K25.5	Tần Văn Nguyên	Nam	21/02/2010	Dao	Tả Chải Dao	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010210006310	
998	8	2552202090034	TC.TTQ.K25.5	Sùng Thị Sổng	Nữ	03/10/2010	Hmông	Cốc Ly Thượng	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010310002881	
999	9	2552202090039	TC.TTQ.K25.5	Thào Thị Phương Thanh	Nữ	22/10/2010	Mông	Cốc Phương	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKK	140.000	010310009521	
1000	10	2552202090042	TC.TTQ.K25.5	Hoàng Thị Thơ	Nữ	26/6/2010	Mông	Lùng Xa 1	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010310008200	
1001	11	2552202090050	TC.TTQ.K25.5	Lý Thị Phi Yên	Nữ	28/9/2010	HMông	Bản Khao	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	140.000	010310004242	

Tổng số Học sinh, sinh viên được hưởng Trợ cấp xã hội: 1001 HSSV / 135 lớp, trong đó:

- HSSV là con mồ côi: 5;
- HSSV thuộc Hộ nghèo, Hộ cận nghèo: 4;
- HSSV là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại thôn, xã ĐBKK: 992.